

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Huyền
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
VIỆT VƯƠNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Huyền
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Huyền

Mã SV: 1312401142

Lớp: QT1703K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.
- ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương..
- ✓ Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng làm cơ sở để đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- ✓ Sử dụng số liệu năm 2015 hoặc 2016 phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tư vấn ĐTXD và thương mại Việt Vương.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

**Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu Tư Xây Dựng và Thương
Mại Việt Vương.**

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Trần Thị Thanh Thảo**

Học hàm, học vị: **Thạc sĩ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại học Dân lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tư vấn ĐTXD và thương mại Việt Vương.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Phạm Thị Huyền

ThS. Trần Thị Thanh Thảo

Hải Phòng, ngày tháng năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

-Sinh viên Phạm Thị Huyền, lớp QT1703K trong quá trình làm khóa luận thực hiện tốt các quy định của giáo viên hướng dẫn về thời gian và nội dung yêu cầu của bài viết.

-Đồng thời, sinh viên Huyền rất chăm chỉ, chịu khó nghiên cứu các nội dung về mặt lý thuyết cũng như thực tế các vấn đề liên quan đến đề tài của khóa luận. Ngoài ra sinh viên Huyền còn thể hiện quá trình nghiên cứu nghiêm túc thể hiện ở nội dung bài viết khá sâu và số liệu khá phong phú.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Chương 1: Hệ thống hóa được cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

-Chương 2: Mô tả khá chi tiết kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Tư vấn ĐTXD và thương mại Việt Vương.. Số liệu được khảo sát năm 2016 khá phong phú và logic.

- Chương 3: Đưa ra được ưu nhược điểm trong công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trên cơ sở đó đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Tư vấn ĐTXD và thương mại Việt Vương. Các kiến nghị được đánh giá có tính khả thi.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....

Hải Phòng, ngày 20 tháng 8 năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	3
1.1.1. Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	3
1.1.1.1. <i>Doanh thu</i>	3
1.1.1.2. <i>Chi phí</i>	4
1.1.1.3. <i>Xác định kết quả kinh doanh</i>	6
1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	7
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu	7
1.2.1.1. <i>Chứng từ sử dụng</i>	7
1.2.1.2. <i>Tài khoản sử dụng</i>	7
1.2.1.3. <i>Phương pháp hạch toán</i>	10
1.2.2. Kế toán giá vốn bán hàng và chi phí quản lý kinh doanh	11
1.2.2.1. <i>Chứng từ sử dụng</i>	11
1.2.2.2. <i>Tài khoản sử dụng</i>	11
1.2.2.3. <i>Phương pháp hạch toán</i>	12
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính	15
1.2.3.1. <i>Chứng từ sử dụng</i>	15
1.2.3.2. <i>Tài khoản sử dụng</i>	15
1.2.3.3. <i>Phương pháp hạch toán</i>	15
1.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	17
1.2.4.1. <i>Chứng từ sử dụng</i>	17
1.2.4.2. <i>Tài khoản sử dụng</i>	17
1.2.4.3. <i>Phương pháp hạch toán</i>	18
1.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	20
1.2.5.1. <i>Chứng từ sử dụng</i>	20
1.2.5.2. <i>Tài khoản sử dụng</i>	20
1.2.5.3. <i>Phương pháp hạch toán</i>	20

1.3. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	22
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	22
1.3.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung	22
1.3.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung	22
1.3.2. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	23
1.3.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	23
1.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	24
1.3.3. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	24
1.3.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	24
1.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	24
1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính	25
1.3.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính	25
1.3.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính	25
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT VƯƠNG.	27
2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT VƯƠNG.	27
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	27
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh	27
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý	28
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán	29
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán	29
2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty	30
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán	30
2.1.4.4. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán	31
2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính	31
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT VƯƠNG.	31
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty	31
2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty	31
2.2.1.2. Chứng từ sử dụng	32
2.2.1.3. Tài khoản sử dụng	32

2.2.1.4. Quy trình hạch toán.....	32
2.2.2. Kế toán giá vốn bán hàng	41
2.2.2.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán tại công ty.....	41
2.2.2.2. Chứng từ sử dụng	41
2.2.2.3. Tài khoản sử dụng	41
2.2.2.4. Quy trình hạch toán.....	41
2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính.....	46
2.2.3.1. Doanh thu hoạt động tài chính gồm có khoản:.....	46
2.2.3.1.1. Chứng từ sử dụng	46
2.2.3.1.2. Tài khoản sử dụng	46
2.2.3.1.3. Quy trình hạch toán.....	46
2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	50
2.2.4.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh tại công ty.....	50
2.2.4.2. Chứng từ sử dụng	50
2.2.4.3. Tài khoản sử dụng	50
2.2.4.4. Quy trình hạch toán.....	50
2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	56
2.2.5.1. Chứng từ sử dụng	56
2.2.5.2. Tài khoản sử dụng	56
2.2.5.3. Quy trình hạch toán.....	56
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT VƯƠNG.....	64
3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT VƯƠNG.....	64
3.1.1. Ưu điểm	64
3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty.....	65
3.2. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CPTVĐT XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT VƯƠNG.	66
3.2.1. Kiến nghị 1: Ứng dụng phần mềm kế toán	66
3.2.2. Kiến nghị 2: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán	70
KẾT LUẬN	80

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức đổi hàng	10
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp.....	11
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên	13
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh	14
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	16
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác	19
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.....	21
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	23
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	24
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	25
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	26
Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương	28
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TVĐT Xây Dựng và TM Việt Vương	29
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương.....	32
Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn tại công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Và Thương Mại Việt Vương	41
Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty CP TVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương.	46
Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí kinh doanh tại công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương.....	51
Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương.	56
Sơ đồ 2.8: Sơ đồ quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương.....	57

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT số HĐ 0000741.....	34
Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT số 0000767	35
Biểu 2.3: Phiếu thu số 30.....	36
Biểu 2.4: Sổ nhật ký chung.....	37
Biểu 2.5: Sổ cái TK 511	38
Biểu 2.6: Sổ chi tiết bán hàng.....	39
Biểu 2.7: Sổ tổng hợp chi tiết bán hàng	40
Biểu 2.8: Phiếu xuất kho số 20	43
Biểu 2.9: Sổ nhật ký chung.....	44
Biểu 2.10: Sổ cái TK 632	45
Biểu 2.11: Giấy báo có	47
Biểu 2.12: Sổ nhật ký chung.....	48
Biểu 2.13: Sổ cái TK 515	49
Biểu 2.14: Hóa đơn GTGT số 0219046.....	52
Biểu 2.15: Phiếu chi	53
Biểu 2.16: Sổ nhật ký chung.....	54
Biểu 2.17: Sổ cái TK 642	55
Biểu 2.18: Phiếu hạch toán.....	58
Biểu 2.19: Phiếu hạch toán.....	58
Biểu 2.20: Phiếu hạch toán.....	59
Biểu 2.21: Phiếu hạch toán.....	59
Biểu 2.22: Phiếu hạch toán.....	60
Biểu 2.23: Sổ nhật ký chung.....	61
Biểu 2.24: Sổ cái TK 911	62
Biểu 2.25: Sổ cái TK 421	63
Biểu 3.1: Hóa đơn GTGT số 0000756	73
Biểu 3.2: Sổ nhật ký chung.....	74
Biểu 3.3: Hóa đơn GTGT 00000764.....	76
Biểu 3.4: Phiếu chi số 52.....	77
Biểu 3.5: Sổ nhật ký chung.....	78
Biểu 3.6: Sổ cái TK 635	79

DANH MỤC BẢNG BIỂU VIẾT TẮT

<u>STT</u>	<u>Ký hiệu viết tắt</u>	<u>Tên ký hiệu</u>
1	BTC	Bộ Tài chính
2	CK	Chuyển khoản
3	DN	Doanh nghiệp
4	FIFO	First in first out
5	LIFO	Last in first out
6	GBC	Giấy báo có
7	HĐ GTGT	Hóa đơn giá trị gia tăng
8	HĐ	Hợp đồng
9	PC	Phiếu chi
10	PT	Phiếu thu
11	PHT	Phiếu hạch toán
12	QĐ	Quyết định
13	TK	Tài khoản
14	TM	Tiền mặt
15	TMCP	Thương mại cổ phần
16	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
17	CP	Cổ phần
19	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
20	TSCĐ	Tài sản cố định
21	BL	Bảng lương
22	VNĐ	Việt Nam đồng
23	BKH	Bảng khấu hao

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Thế giới ngày càng hội nhập càng tạo ra cho doanh nghiệp thêm rất nhiều cơ hội nhưng cũng không ít những thách thức song doanh nghiệp nào cũng đặt ra mục tiêu hàng đầu là tối đa hoá lợi nhuận, mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Để đạt được điều đó đòi hỏi các nhà quản lý phải có những biện pháp thiết thực trong chiến lược kinh doanh của mình. Xét về mặt tổng thể thì các doanh nghiệp kinh doanh không những chịu tác động của quy luật giá trị, mà còn chịu tác động của quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh và đặc biệt hơn khi Việt Nam đã ra nhập tổ chức thương mại WTO thì những quy luật này càng trở nên quan trọng hơn.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vai trò hết sức quan trọng, là phần hành kế toán chủ yếu trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Góp phần phục vụ đắc lực hoạt động kinh doanh của mỗi doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tăng nhanh khả năng thu hồi vốn, kịp thời tổ chức quá trình kinh doanh tiếp theo, cung cấp thông tin nhanh chóng để từ đó doanh nghiệp phân tích, đánh giá lựa chọn các phương án đầu tư có hiệu quả.

Trên cơ sở kiến thức tích lũy được trong thời gian theo học ở trường cùng với sự hướng dẫn của giáo viên Trần Thị Thanh Thảo cộng với các kinh nghiệm học hỏi được trong quá trình thực tập tại Công ty CP Tư vấn Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương, nhận được sự giúp đỡ tạo điều kiện của các anh chị phòng kế toán. Em đã chọn đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Tư vấn Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương”** làm đề tài cho bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Mô tả và phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Công ty CP Tư vấn Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Công ty CP Tư vấn Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Phạm vi nghiên cứu: Tại Công ty CP Tư vấn Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương .

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối).

- Phương pháp thống kê và so sánh .

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.

5. Kết cấu của khóa luận

Ngoài phần mở đầu và kết luận, bài khóa luận gồm 3 chương

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Tư vấn Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Tư vấn Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương.

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1.1. Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.*****1.1.1.1. Doanh thu*****Khái niệm**

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu, Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu.

Các loại doanh thu:***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...) nếu có.

- Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng:

+ *Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp*: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã

nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

+ *Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý*: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

+ *Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng*: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

+ *Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp*: Theo tiêu thức này doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không gồm lãi trả chậm, trả góp.

Doanh thu hoạt động tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính là toàn bộ các khoản thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

- ***Chiết khấu thương mại***: là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.

- ***Hàng bán bị trả lại***: là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

- ***Giảm giá hàng bán***: là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- ***Thuế tiêu thụ đặc biệt***: là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- ***Thuế xuất khẩu***: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

- ***Thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp)***: thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

Thu nhập khác

Theo chuẩn mực kế toán số 14, thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.1.2. Chi phí

Khái niệm

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Các loại chi phí

Giá vốn hàng bán là toàn bộ chi phí để tạo ra một sản phẩm, hàng hóa hay dịch vụ. Đối với doanh nghiệp thương mại thì giá vốn hàng bán là tổng chi phí xuất kho của số hàng hóa (giá mua từ nhà cung cấp, chi phí vận chuyển, chi phí bảo hiểm,...). Đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ thì giá vốn hàng bán là giá thành thực tế sản phẩm, dịch vụ hoàn thành.

Theo quyết định số 48/BTC có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

+ **Phương pháp bình quân gia quyền**: giá trị của từng loại hàng tồn được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị hàng tồn kho tương tự được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của mỗi doanh nghiệp.

+ **Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)**: áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

+ **Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)**: Hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước. Hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

+ **Phương pháp tính theo giá đích danh**: Sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập kho nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Phương pháp này được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

Chi phí quản lý kinh doanh: Chi phí quản lý kinh doanh là tập hợp tất cả các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ

lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp;...

Chi phí khác : Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

+ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

+ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận từ năm trước.

Chi phí hoạt động tài chính: Chi phí tài chính là những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh

- Xác định kết quả kinh doanh dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

+ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý kinh doanh.

$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận} \\ \text{thuần từ} \\ \text{hoạt động} \\ \text{sản xuất} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Doanh thu bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ} \\ \text{doanh thu} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý kinh} \\ \text{doanh} \end{matrix}$$

+ **Kết quả hoạt động tài chính**: là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

$$\text{Lợi nhuận tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

+ **Kết quả hoạt động khác**: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác với các khoản chi phí khác.

$$\text{Lợi nhuận hoạt động} = \text{Thu nhập hoạt động} - \text{Chi phí hoạt động}$$

khác

khác

khác

+ *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận từ hoạt động SXKD} + \text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} + \text{Lợi nhuận khác}$$

+ *Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế}}{\text{Thuế suất thuế TNDN}}$$

+ *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế}}{\text{Thuế TNDN phải nộp}}$$

1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có ngân hàng, bảng kê sao của ngân hàng, ủy nhiệm thu, séc thanh toán, séc chuyển khoản...
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

+ Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

+ Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã được thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như dịch vụ vận tải, du lịch,...

- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản:

+ Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa

+ Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm

+ Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

+ Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

Kết cấu tài khoản 511

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ. - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911. 		<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.

- Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tiểu khoản:

+ Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại

+ Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại

+ Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

Kết cấu tài khoản 521

Nợ	TK 521	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán. - Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ 		<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang TK 511.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, có 9 tiểu khoản, trong đó sử dụng 3 tài khoản cấp 2 sau để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

- + Tài khoản 3331 – Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- + Tài khoản 3332 – Thuế tiêu thụ đặc biệt
- + Tài khoản 3333 – Thuế xuất nhập khẩu

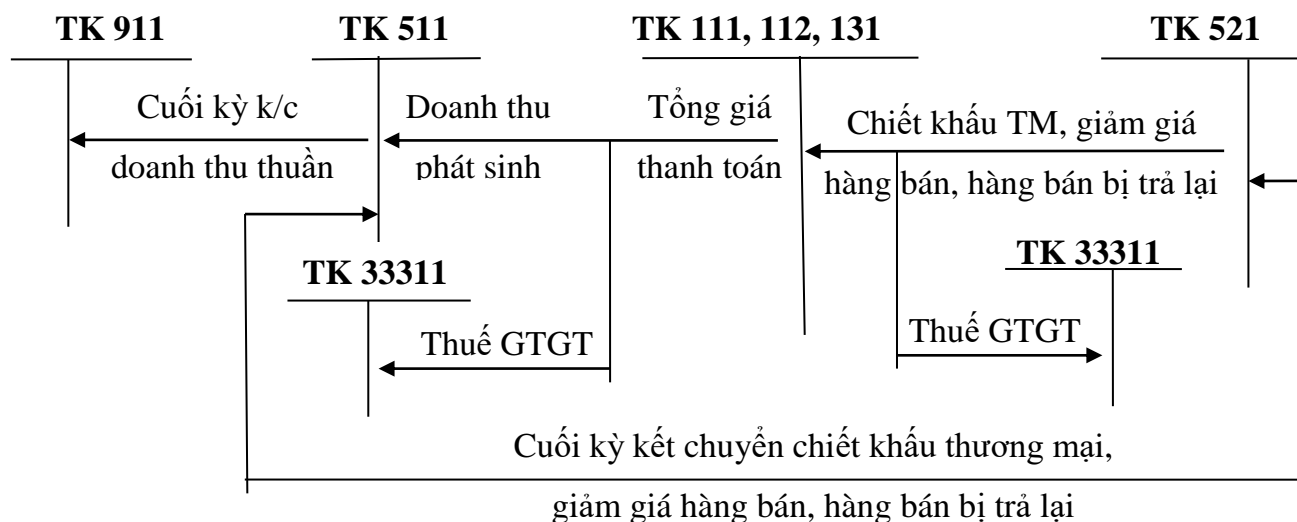
Kết cấu tài khoản 333

Nợ	TK 333	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ. - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước. - Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp. - Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp. - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước. 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

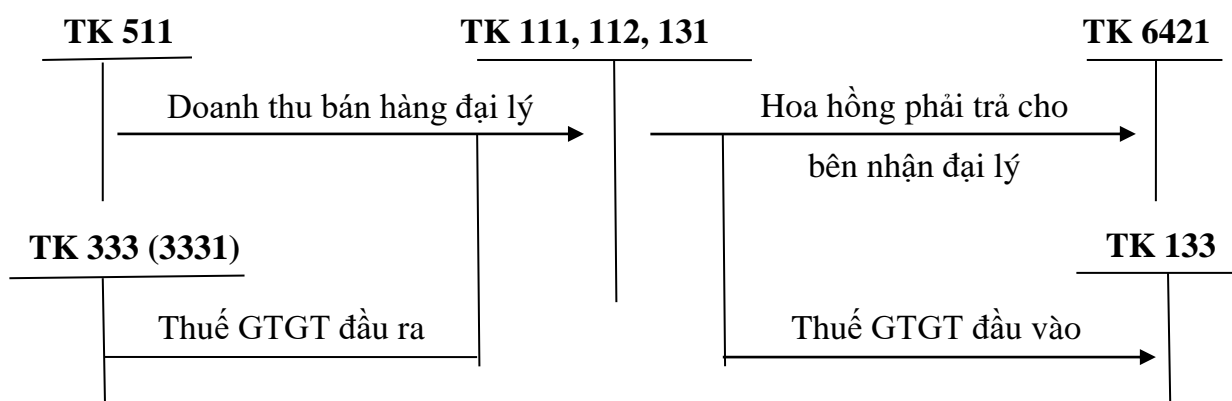
Số dư bên Có: số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Trong trường hợp cá biệt, tài khoản 333 có thể có số dư bên nợ. Số dư bên Nợ (nếu có) của tài khoản 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu.

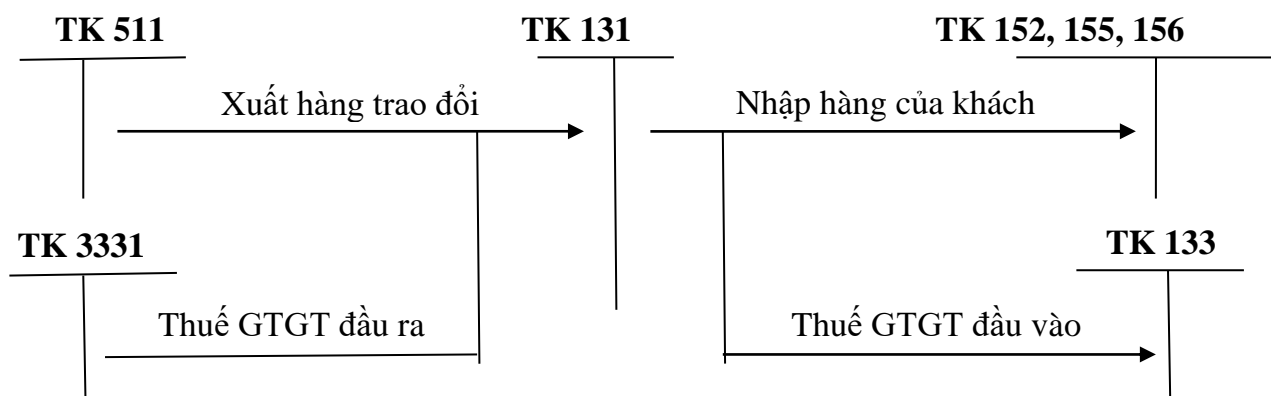
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán



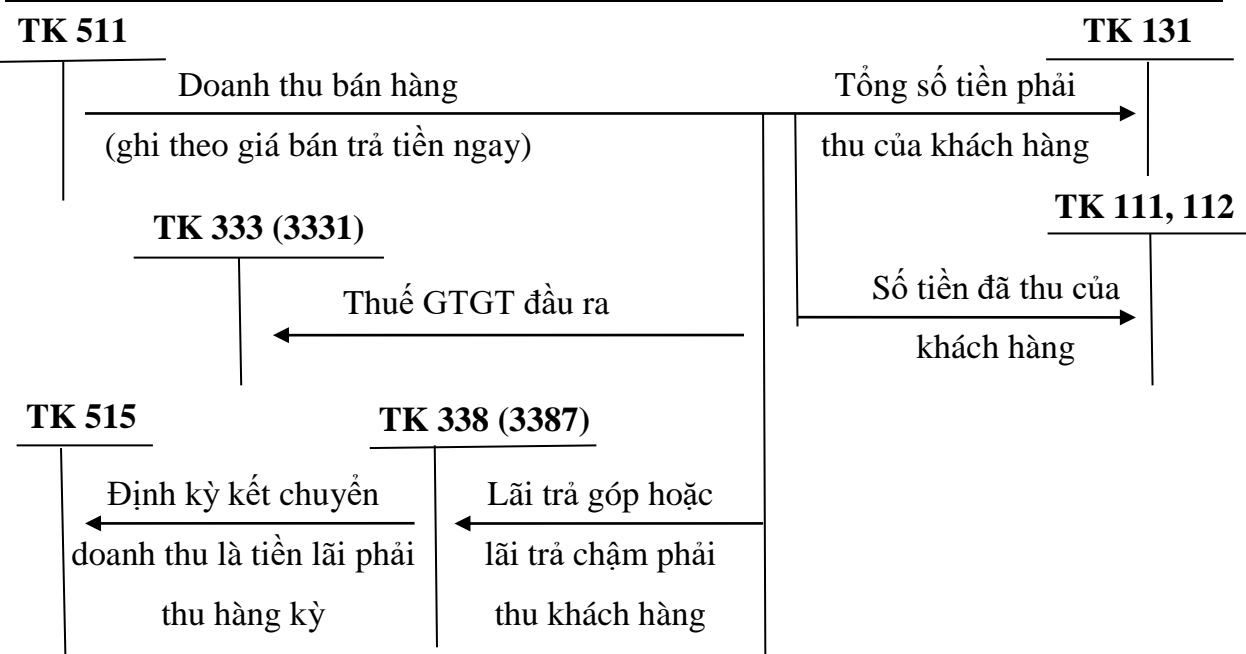
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trực tiếp



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức đổi hàng



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp

1.2.2. Kế toán giá vốn bán hàng và chi phí quản lý kinh doanh

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho,
- Hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

- Dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

Kết cấu tài khoản 632

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.		- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
		- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

- Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tiểu khoản:

+ Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng

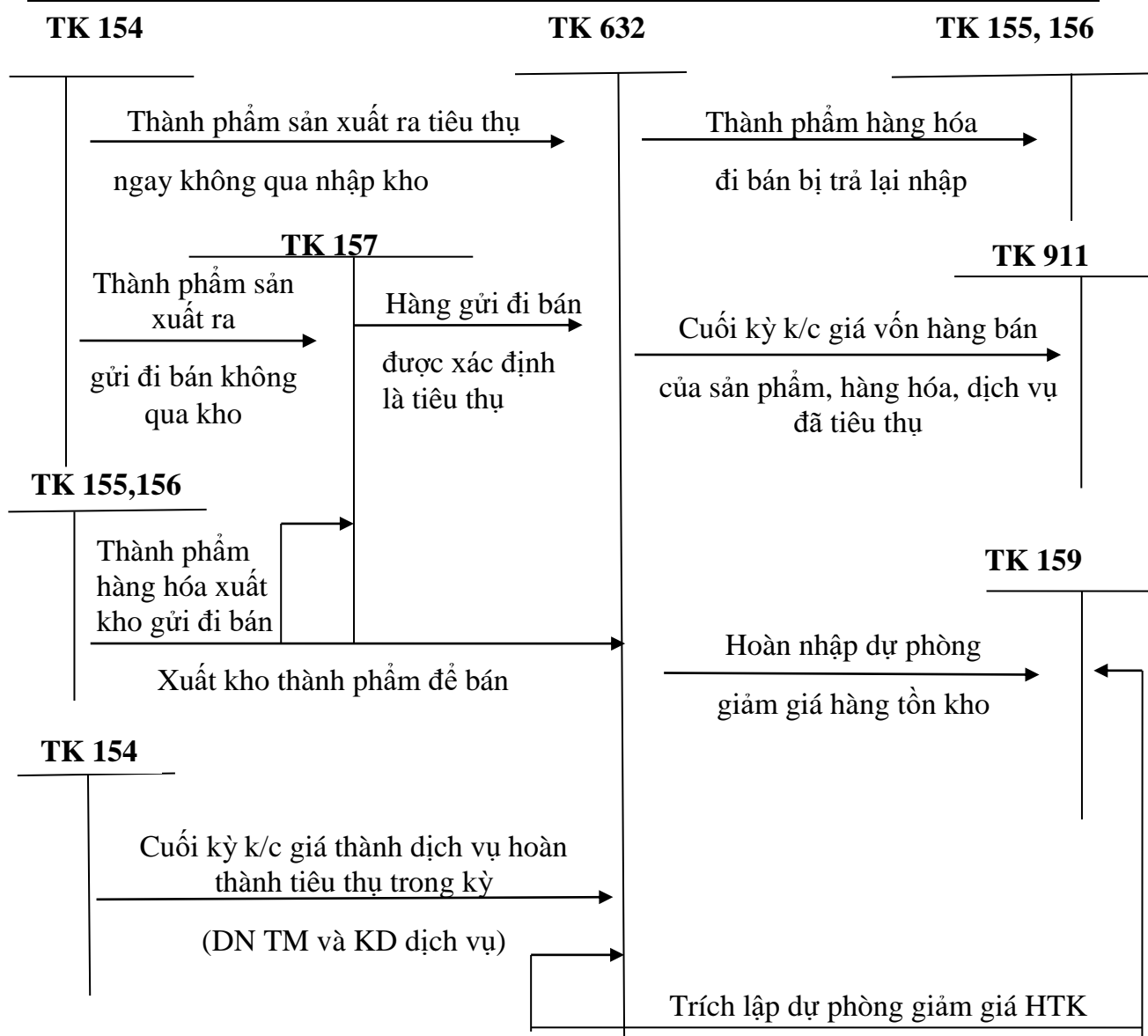
+ Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản 642

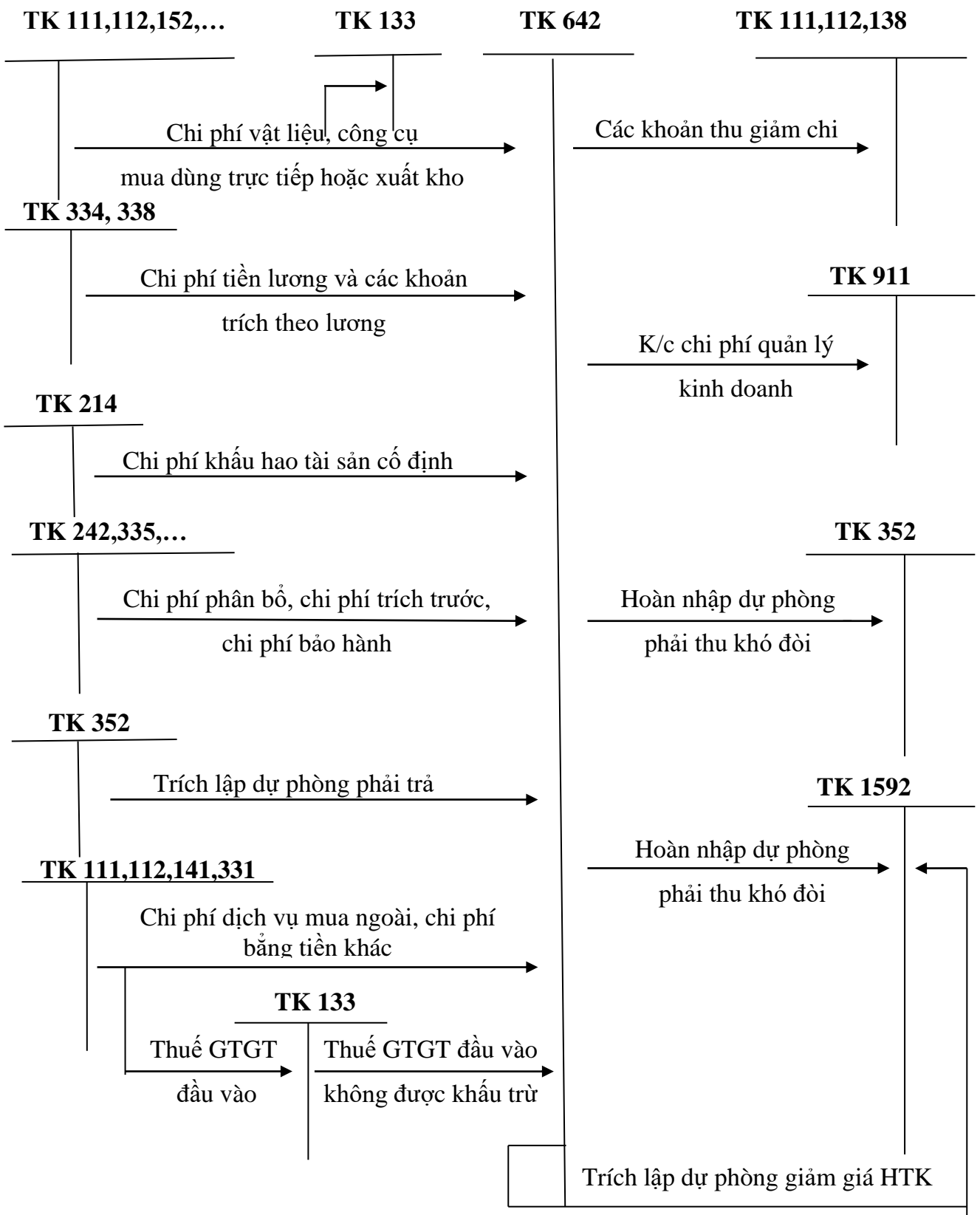
Nợ	TK 642	Có
- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ.		- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.		- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911.
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.		
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có, giấy báo nợ
- Phiếu chi, phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu tài khoản 515

Nợ	TK 515	Có
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911.	- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết - Chiết khấu thương mại được hưởng lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

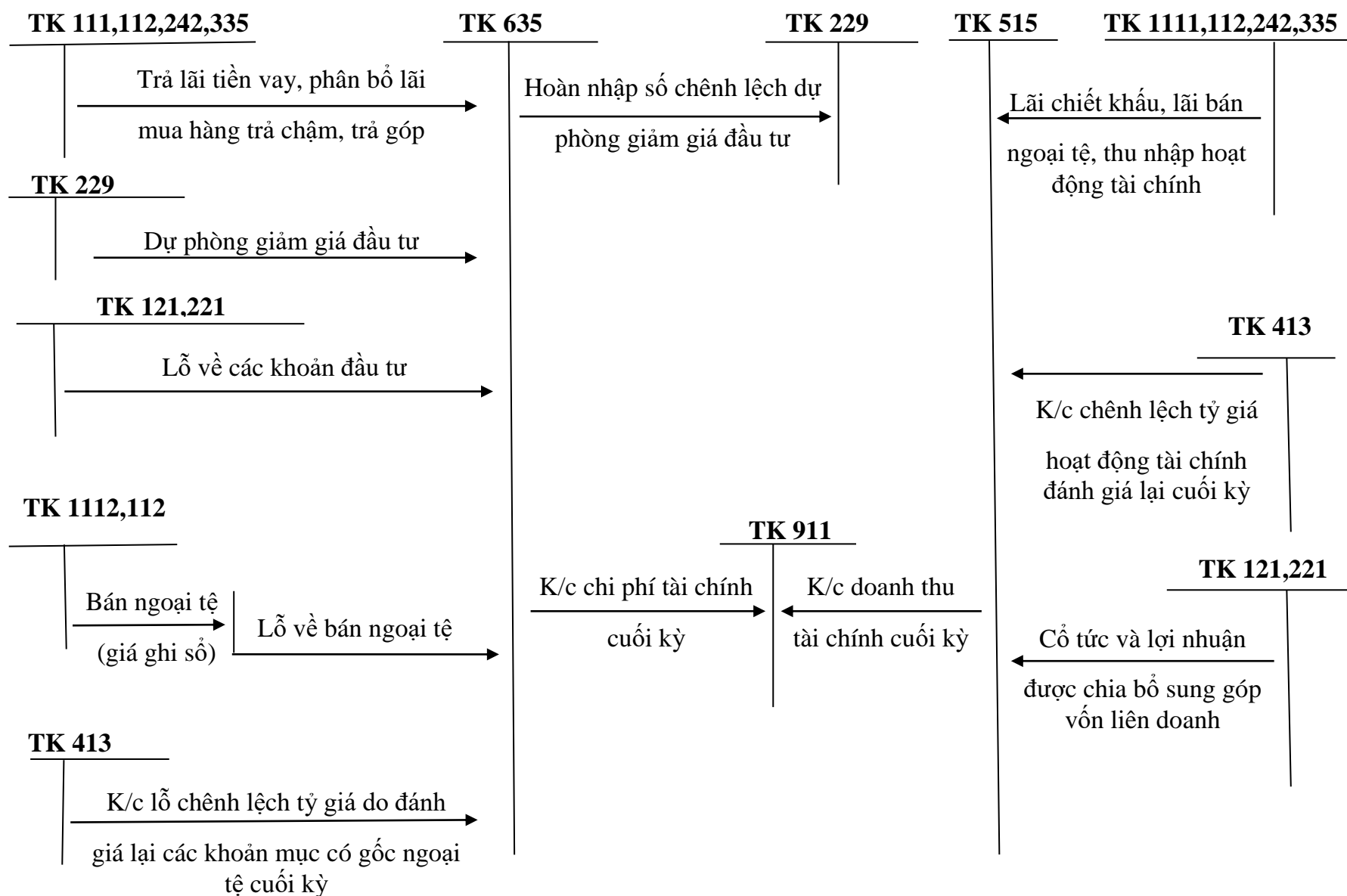
Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Kết cấu tài khoản 635

Nợ	TK 635	Có
- Các khoản chi phí hoạt động tài chính - Các khoản lỗ về đầu tư tài chính - Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Biên bản đánh giá tài sản
- Biên bản thanh lý nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu, phiếu chi

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Kết cấu tài khoản 711

Nợ	TK 711	Có
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911.	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Khoản nợ khó đòi đã xóa nay đã đòi được - Khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ - Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

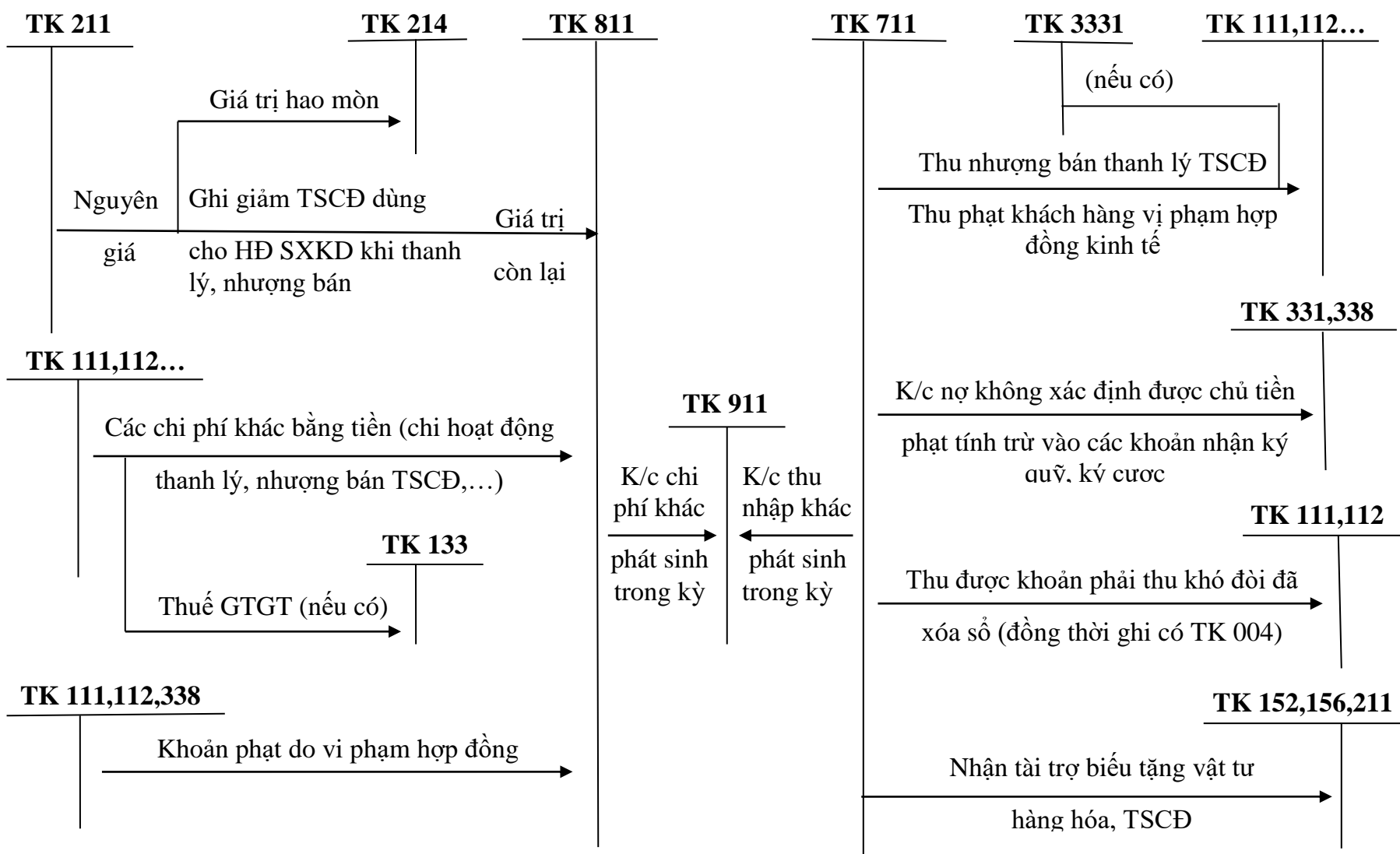
Tài khoản 811 - Chi phí khác

Kết cấu tài khoản 811

Nợ	TK 811	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí khác phát sinh bao gồm: - Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính - Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ - Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có) 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911. 	
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có	

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu hạch toán

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

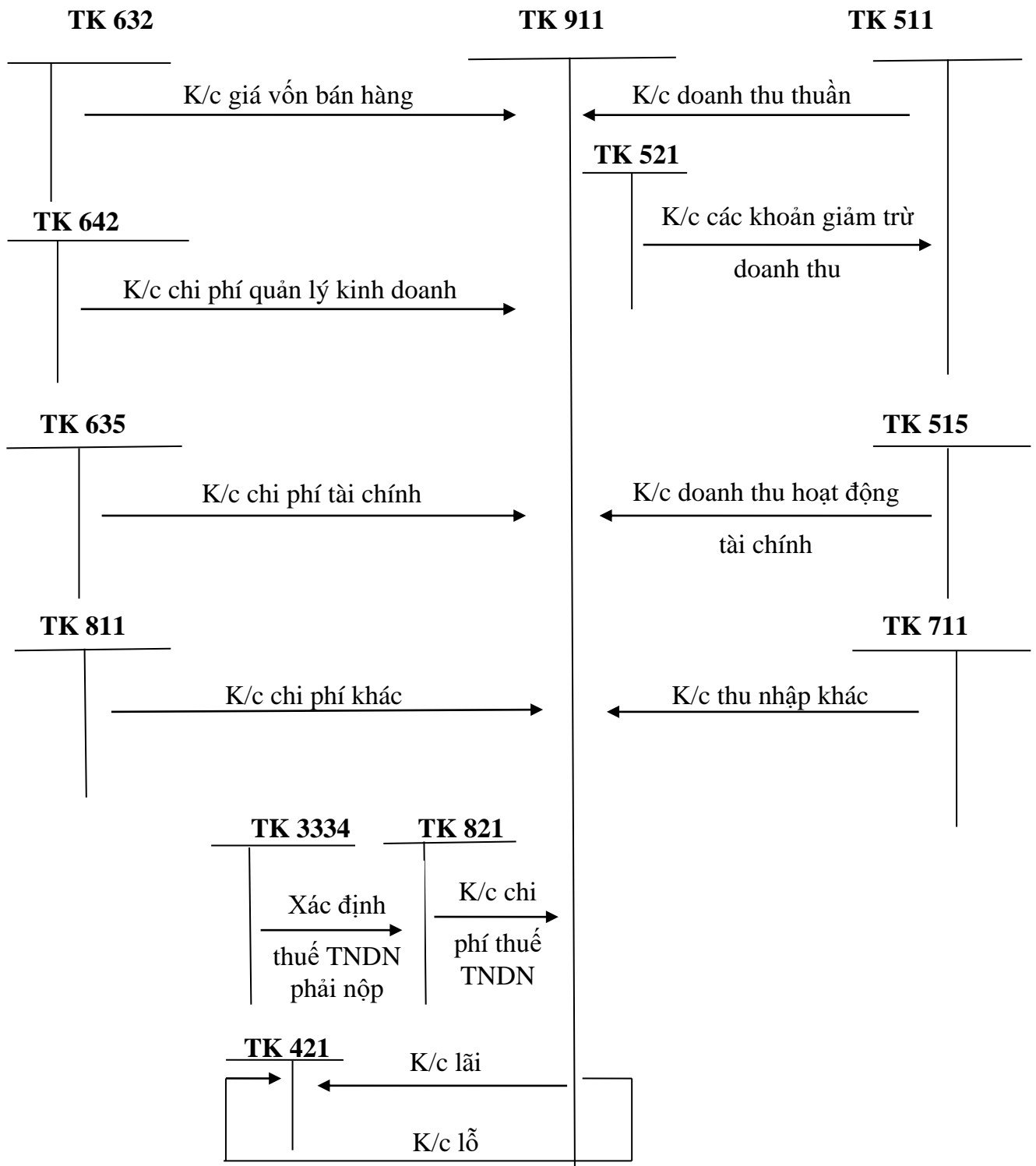
Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Kết cấu tài khoản 911

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. - Kết chuyển lãi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

1.3. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 4 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên Máy vi tính

Trong mỗi hình thức, sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

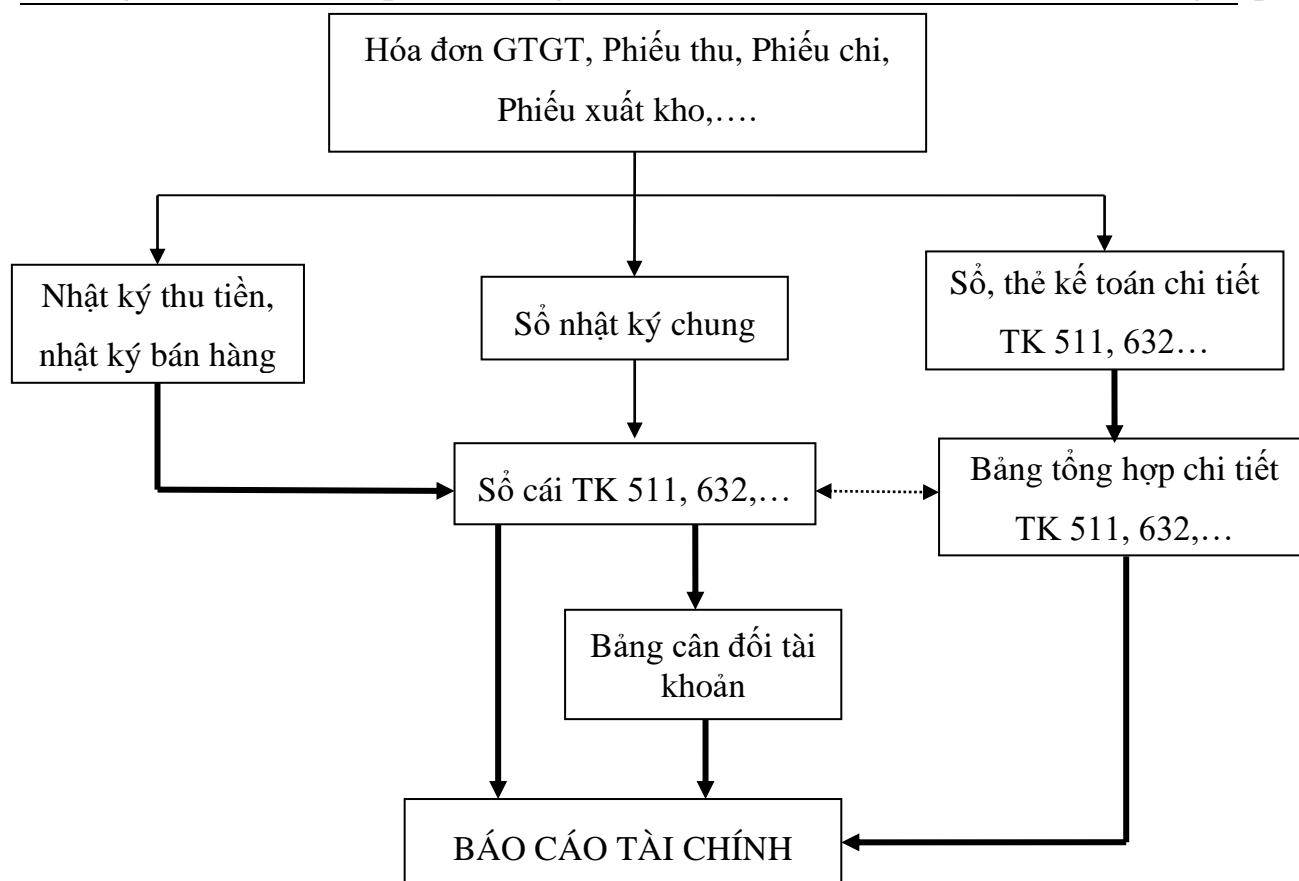
1.3.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- + Nhật ký chung; sổ nhật ký đặc biệt
- + Sổ cái
- + Sổ, thẻ chi tiết

1.3.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú: Ghi hàng ngày: —————→
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: —————→
 Đối chiếu: <----->

1.3.2. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

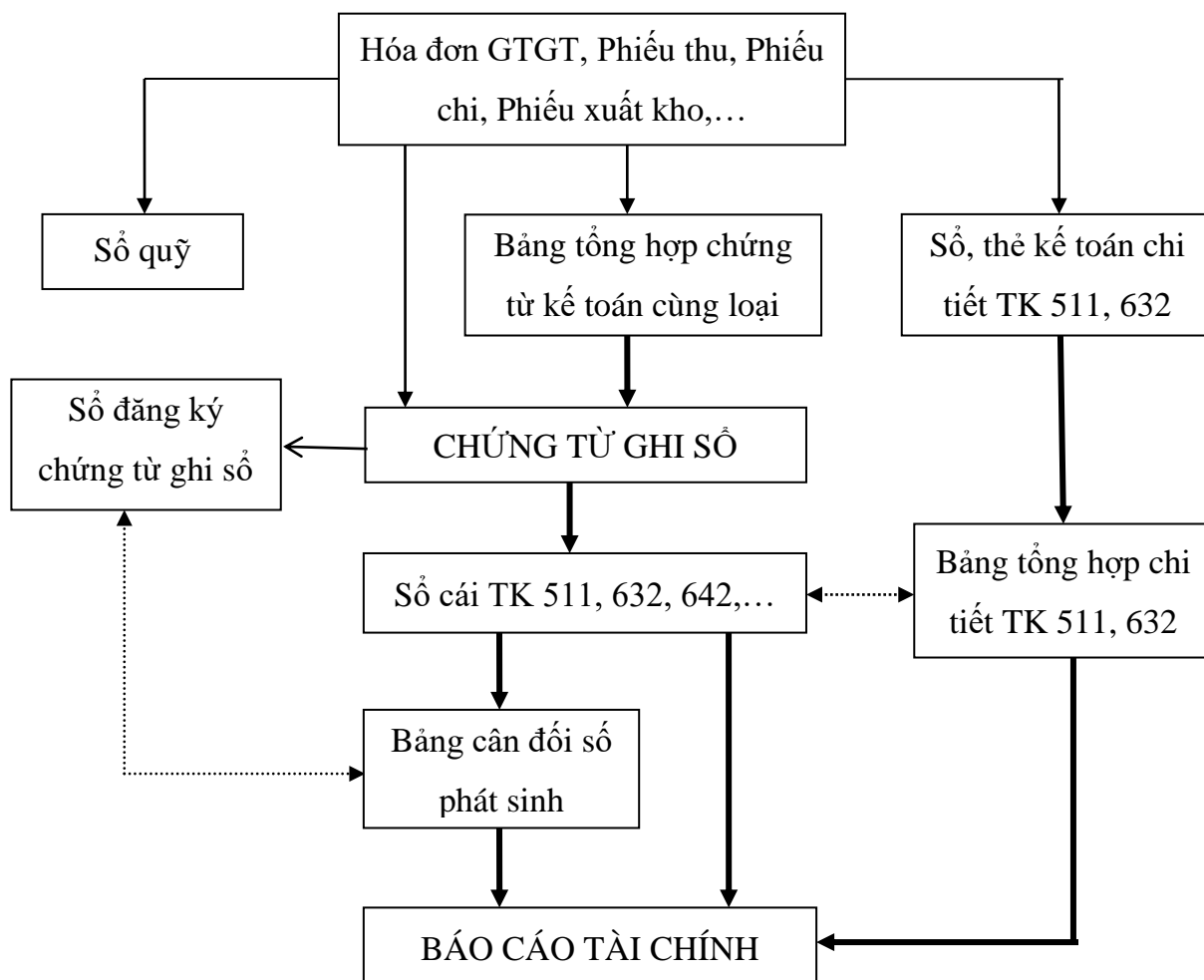
1.3.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

1.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Ghi chú: Ghi hàng ngày: —————→
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: —————→
 Đối chiếu: <----->

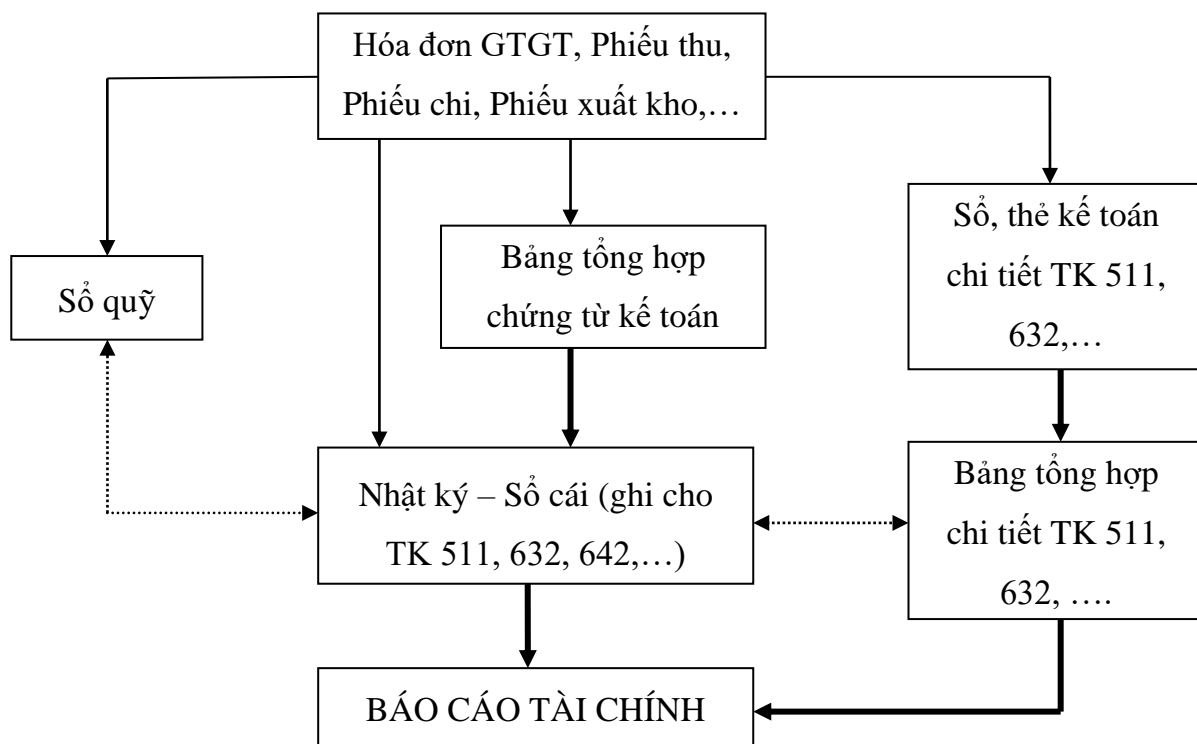
1.3.3. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

1.3.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ chủ yếu sau:

- + Nhật ký – Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái



Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Ghi chú: Ghi hàng ngày: —————→
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: —————→
 Đối chiếu: <----->

1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính

1.3.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính

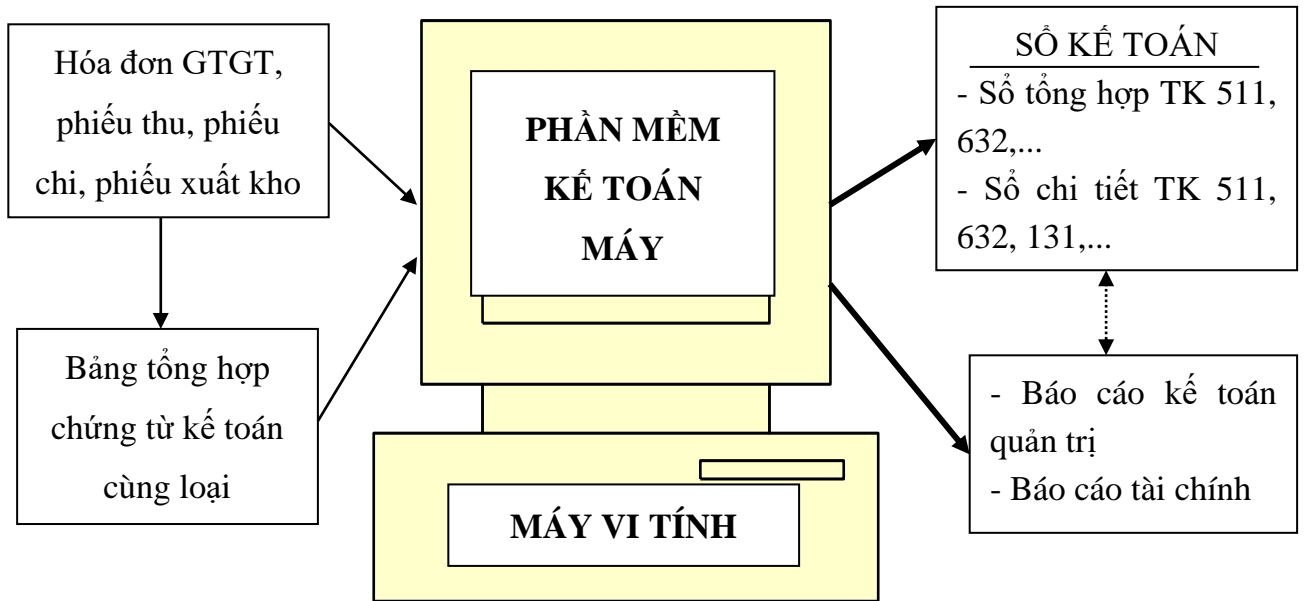
Đặc trưng cơ bản: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong 3 hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

1.3.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ và lập Báo cáo tài chính.



Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

- Ghi chú:**
- Nhập số liệu hàng ngày: —————→
 - In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: —————→
 - Đối chiếu, kiểm tra: ←.....→

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT VƯƠNG.****2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT VƯƠNG.****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển**

Tên công ty: **Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Vương.**

Tên viết tắt: Việt Vương CO&TRA, JSC.

Địa chỉ trụ sở: Ngõ 492 Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng.

Điện thoại: 0313 779 325

Fax: 0313 779 325

Mã số thuế: 0101491442

Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần

Người đại diện pháp lý: Dương Phương Bắc

Công ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Và Thương Mại Việt Vương được thành lập năm 2007, giấy phép đăng ký kinh doanh số 0200976141 do sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp. Với mục tiêu trở thành công ty tư vấn đầu tư xây dựng đáng tin cậy với dịch vụ và chất lượng tốt nhất cho khách hàng.

Công ty Việt Vương CO& TRA, JSC có lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật-kinh tế và công nhân lành nghề có trình độ cao được đào tạo bài bản từ các trường chuyên nghiệp trong và ngoài nước, bao gồm: 05 Thạc sĩ chuyên ngành luật, 03 Kiến trúc sư, 09 Kỹ sư xây dựng, 03 Kỹ sư công nghệ thông tin, 03 Cử nhân chuyên ngành kế toán, kinh tế.

Cơ sở hạ tầng của công ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Và Thương Mại Việt Vương gồm có nhà văn phòng chính và nhà kho rộng 1000 m².

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh

Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Và Thương Mại Việt Vương gồm 2 mảng:

- Mảng thương mại:

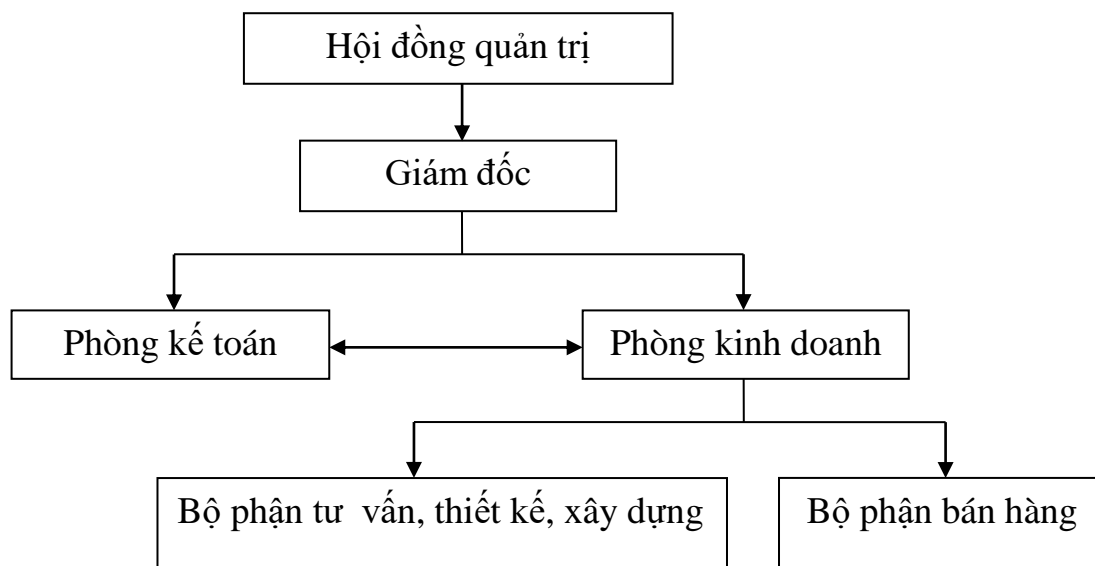
+ Bán các loại mặt hàng vật liệu xây dựng như : sắt, thép, xi măng, dây điện,....

- Mang dịch vụ:

+ Tư vấn thiết kế các công trình nhà ở ,văn phòng, công ty...

+ Thi công, xây lắp các công trình nhà ở, văn phòng, công ty...

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý



Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương

Ghi chú:

Quan hệ quản lý chỉ đạo: \longrightarrow

Quan hệ phối hợp công tác và hỗ trợ: \longleftrightarrow

Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong bộ máy quản lý của công ty được quy định cụ thể như sau:

- **Hội đồng quản trị** : là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty
- **Giám đốc**: Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của công ty , có trách nhiệm quyết định các kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty... Là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và mọi hoạt động chung của công ty.
- **Phòng kế toán**: Quản lý, kiểm tra hướng dẫn và thực hiện chế độ kế toán thống kê, đáp ứng nhu cầu về tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Giúp giám đốc về công tác thống kê, đảm bảo nguồn vốn, tổ chức hạch toán, phản ánh chính xác, đầy đủ số liệu, lưu trữ hồ sơ.

- Phòng kinh doanh

- Phụ trách việc giao dịch thương mại, soạn thảo các hợp đồng kinh doanh.

- Làm nhiệm vụ tham mưu giúp cho Giám đốc trong việc lập kế hoạch kinh doanh, tổ chức tiêu thụ sản phẩm. Trưởng phòng kinh doanh quản lý 2 bộ phận:

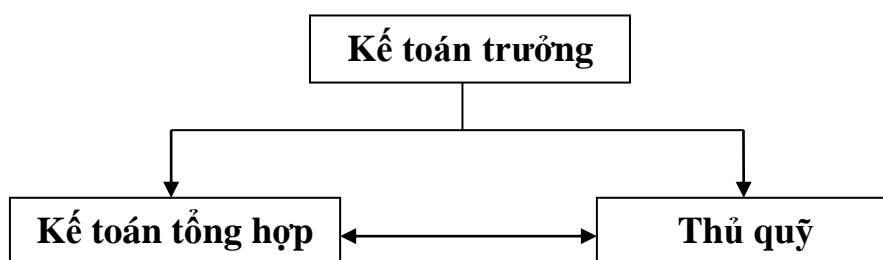
+ *Bộ phận tư vấn, thiết kế, xây dựng*: Chịu trách nhiệm tư vấn thiết kế, thi công các công trình nhà ở, văn phòng,cho khách hàng

+ *Bộ phận bán hàng*: chịu trách nhiệm bán hàng, trông coi hàng hóa....Giới thiệu sản phẩm với khách hàng, trả lời các câu hỏi về sản phẩm, tư vấn cho khách hàng, lựa chọn sản phẩm phù hợp, lấy hàng, tính tiền hàng, trao hàng cho khách, gọi hàng và nhận tiền..v.v. Lưu hóa đơn, số liệu về bán hàng, báo cáo thường xuyên về doanh thu, công tác bán hàng....

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

. Quy mô tổ chức của bộ máy kế toán gọn nhẹ phù hợp với đặc điểm của công ty mà vẫn đảm bảo công tác kế toán có hiệu quả. Bộ máy kế toán của công ty được bố trí như sau:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TVĐT Xây Dựng và TM Việt Vương

Ghi chú:

Quan hệ quản lý chỉ đạo: \longrightarrow

Quan hệ phối hợp công tác và hỗ trợ: \longleftrightarrow

Kế toán trưởng

- Là người trực tiếp tổ chức, điều hành và quản lý bộ máy kế toán. Có nhiệm vụ tham mưu về các hoạt động tài chính cho giám đốc, trực tiếp lãnh đạo các kế toán trong công ty, kiểm tra công tác thu thập và xử lý chứng từ, phân tích tình hình vốn của đơn vị. Cuối tháng, kế toán trưởng có nhiệm vụ kiểm tra báo cáo quyết toán do kế toán tổng hợp lập nên để báo cáo cho lãnh đạo.

Thủ quỹ

- Chịu trách nhiệm quản lý quỹ, thu chi tiền mặt. Kiểm kê, kiểm tra sổ tồn quỹ, quỹ tiền và phản ánh chính xác kịp thời đầy đủ số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền trong công ty.

Kế toán tổng hợp

- Có nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra số liệu của các kế toán viên rồi tổng hợp báo cáo quyết toán theo quý. Tập hợp chi phí xác định doanh thu, hạch toán lỗ lãi và đánh giá hiệu quả kinh doanh của công ty. Kế toán tổng hợp còn theo dõi tình hình thanh toán với ngân sách nhà nước.

- Theo dõi thực hiện thanh toán tiền lương cho công ty, theo dõi quản lý sử dụng TSCĐ, công cụ dụng cụ...

2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

- Kỳ kế toán năm: Công ty thực hiện kì kế toán theo năm dương lịch (bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12).
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.
- Chế độ kế toán áp dụng: Quyết định 48/2006.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho:
 - + Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Giá gốc chưa tính GTGT đầu vào.
 - + Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân liên hoàn.
 - + Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.
 - + Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Phương pháp đường thẳng.
- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Theo thực tế được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phát sinh.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ Nhật ký chung sau đó từ sổ Nhật ký chung vào Sổ Cái các tài khoản, từ Sổ Cái các tài khoản và Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

Hệ thống sổ kế toán gồm: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái các tài khoản, Sổ chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết.

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính.

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính

Theo quy định hiện hành hệ thống báo cáo tài chính của công ty bao gồm:

- Bảng Cân đối kế toán: Mẫu số B01 – DNN
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh: Mẫu số B02 – DNN
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ: Mẫu số B03 – DNN
- Bản Thuyết minh báo cáo tài chính: Mẫu số B09 – DNN
- Bảng Cân đối tài khoản: Mẫu số F01 – DNN
- Ngoài ra, kế toán còn lập thêm các báo cáo khác như: báo cáo tình hình thực

hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, tờ khai tự quyết toán thuế TNDN,...

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT VƯƠNG.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty**2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty**

- Để tạo điều kiện cho khách hàng công ty sử dụng phương thức thanh toán chủ yếu là thanh toán ngay bằng tiền mặt, ngoài ra còn tạo điều kiện cho khách hàng được thanh toán chậm trả.

+ *Phương thức thanh toán trả tiền ngay*: Bằng tiền mặt được áp dụng với hầu hết mọi đối tượng khách hàng để đảm bảo vốn thu hồi nhanh, tránh tình trạng chiếm dụng vốn.

+ *Phương thức bán chịu*: được áp dụng với khách hàng lớn và truyền thống. Trong những giai đoạn khó khăn, phải cạnh tranh với các đối thủ thì phạm vi này được mở rộng hơn, nhưng đây là biện pháp tình thế và tiềm ẩn nhiều rủi ro nên công ty nên mở sổ theo dõi chi tiết công nợ để theo dõi chi tiết công nợ nhằm quản lý công nợ phải thu.

- Đối với cả hai phương thức:

Hàng ngày, khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán xuất hoá đơn GTGT.

Hoá đơn giá trị gia tăng hàng bán ra gồm 3 liên:

✓ Liên 1: Màu tím được lưu lại quyền hoá đơn.

- ✓ Liên 2: Màu đỏ giao cho khách hàng.
- ✓ Liên 3: Màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán.

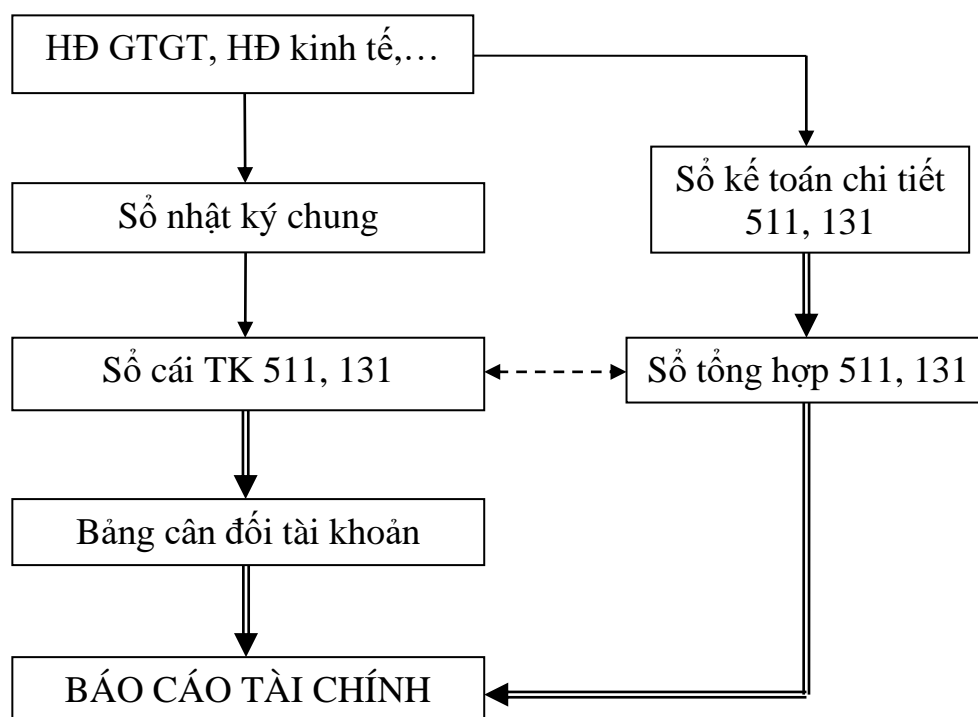
2.2.1.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác: hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng...

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Tài khoản cấp 2:
 - + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
 - + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Các TK khác có liên quan như: TK 3331, 1111, 131...

2.2.1.4. Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương.

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: \longrightarrow
- Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ: \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 5/12/2016 xuất bán lô thép phi 8 theo HĐ 000741 trị giá lô hàng là 28.359.100 đồng (đã bao gồm cả thuế GTGT 10%) cho công ty TNHH Long Thành, chưa thanh toán.

Ví dụ 2: Ngày 20/12/2016 xuất kho hàng hóa bán sắt phi 10 theo HĐ 0000767 – Công ty TNHH Lan Lâm 11.191.065 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%), khách hàng thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán tiến hành như sau:

Căn cứ vào các chứng từ: hóa đơn GTGT 0000741 (**biểu số 2.1**), hóa đơn GTGT 0000767 (**biểu số 2.2**), phiếu thu số 30 (**biểu số 2.3**) kế toán ghi sổ nhật ký chung (**biểu số 2.4**), từ nhật ký chung vào sổ cái TK 511 (**biểu số 2.5**). Đồng thời cũng từ các chứng từ trên kế toán ghi sổ kế toán chi tiết TK 511, 131 (**biểu 2.6, 2.7**).

Cuối tháng, kế toán lấy số liệu từ sổ kế toán chi tiết TK 511, 131 ghi vào sổ tổng hợp TK 511 đồng thời so sánh với số liệu của sổ cái TK 511 đã lập. Căn cứ vào các sổ cái và sổ tổng hợp đã lập trên kế toán tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT số HD 0000741

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Mẫu số: 01GTKT3/001	
Liên 3: Nội bộ				Ký hiệu: AA/16P	
Ngày 5/12/2016				Số: 0000741	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CP TVĐT XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT VƯƠNG					
Mã số thuế: 0101491442					
Địa chỉ: Ngõ 492 Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng					
Số TK: 0031 000 207 536					
Đơn vị mua hàng: CÔNG TY VẬN TẢI LONG THÀNH					
Mã số thuế: 0102035333					
Địa chỉ: 35 Hoàng Minh Thảo – Hải Phòng					
Số TK: 0069046391082					
Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xuất bán lô thép phi 8	kg	2540	10150	25.781.000
Cộng tiền hàng:					25.781.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		2.578.100
Tổng cộng tiền thanh toán:					28.359.100
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi tám triệu ba trăm năm mươi chín nghìn một trăm đồng./.					
Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Giám đốc <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	

Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT số 0000767

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/16P		
Ngày 20/12/2016			Số: 0000767		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CP TVĐT XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT VƯƠNG					
Mã số thuế: 0101491442					
Địa chỉ: Ngõ 492 Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng					
Số TK: 0031 000 207 536					
Đơn vị mua hàng: CÔNG TY TNHH LAN LÂM					
Mã số thuế: 0100632870					
Địa chỉ: 110 Điện Biên Phủ - Hồng Bàng - Hải Phòng					
Số TK: 0893717912923					
Hình thức thanh toán: TM					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xuất bán lô thép cuộn phi 10	Cây	165	61.510	10.149.150
Cộng tiền hàng:					10.149.150
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.014.915
Tổng cộng tiền thanh toán:					11.191.065
Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu một trăm chín mươi một nghìn sáu mươi năm đồng./.					
Người bán hàng		Người mua hàng		Giám đốc	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu 2.3: Phiếu thu số 30

Công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương		Mẫu số 01-TT		
Ngõ 492 Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng		QĐ số 48/2006/QĐ-BTC		
		Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC		
		Số: 30/12		
PHIẾU THU				
Ngày 20 tháng 12 năm 2016				
		Nợ TK 1111	:	11.191.065
		Có TK 5111	:	10.149.150
		Có TK 3331	:	1.014.915
Họ và tên người nộp tiền: Bùi Thúy Trà				
Địa chỉ: 110 Điện Biên Phủ - Hồng Bàng - Hải Phòng				
Lý do thu: Thu tiền bán hàng				
Số tiền: 11.191.065				
Viết bằng chữ: Mười một triệu một trăm chín mươi một nghìn sáu mươi năm đồng./.				
Kèm theo: 1 chứng từ gốc				
Ngày 20 tháng 12 năm 2016				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nộp tiền
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>

Biểu 2.4: Sổ nhật ký chung

Công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương
Ngõ 492 Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

ĐVT: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
5/12	HD 0000741	5/12	Xuất bán lô thép cuộn phi 8 theo HD 0000741	131	28.359.100	
				3331		2.578.100
				5111		25.781.000
					
8/12	HD 0000748 GBC 1463	8/12	Ghi nhận doanh thu bán lô thép cho CTCP Xây dựng và Công Nghệ PT	112	68.882.000	
				5111		62.620.000
				3331		6.262.000
					
20/12	HD0000767 PT 30/12	20/12	Doanh thu bán hàng cho Cty TNHH Lan Lâm	1111	11.191.065	
				5111		10.149.150
				3331		1.014.915
					
			Cộng		53.841.518.190	53.841.518.190

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.5: Sổ cái TK 511

Công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương
Ngõ 492 Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 Số hiệu: 511
 Năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
					
5/12	HĐ0000741	5/12	Xuất bán lô thép cuộn phi 8	131		25.781.000
8/12	HĐ 0000748 GBC 1463	8/12	Ghi nhận doanh thu bán lô thép cho CTCP Xây dựng và Công Nghệ PT	112		62.620.000
					
20/12	HĐ0000767 PT 30/12	20/12	Doanh thu bán hàng cho Cty TNHH Lan Lâm	1111		10.149.150
					
31/12	PHT 11	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	8.141.646.835	
			Số dư cuối kỳ			
			Cộng		8.141.646.835	8.141.646.835

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.6: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương
 Ngõ 492 Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số: SN17 – DNN
 (QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG
 Năm 2016

Tên sản phẩm (HH, DV, bất động sản đầu tư): Thép phi 10. Mã hàng hóa: F2332

NT ghi sổ	CTừ		Diễn giải	TK ĐU'	Doanh thu				Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn vị	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
									
20/12	HĐ 0000767	20/12	Bán hàng hóa cho Cty TNHH Lan Lâm	1111	165	cây	61510	10.149.150		
									
25/12	HĐ 0000774	25/12	Bán hàng cho Cty TNHH Lan Lâm	112	1250	cây	61510	76.887.500		
			Cộng số phát sinh		2500			153.775.000		
			Doanh thu thuần							
			Gía vốn bán hàng							
			Lãi gộp							

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.7: Sổ tổng hợp chi tiết bán hàng

Công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương

Ngõ 492 Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG

Năm 2016

ĐVT: đồng

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị	Doanh thu			Ghi chú
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	F2116	Thép cuộn phi 6	kg	65000	10100	656.500.000	
2	F2816	Thép cuộn phi 8	kg	11176	10150	113.436.400	
3	F2332	Thép cuộn phi 10	Cây	2500	61510	153.775.000	
4	F4241	Thép cuộn phi 12	Cây	1500	97.650	146.475.750	
5	F4475	Thép cuộn phi 14	Cây	1784	135.700	241.546.234	
						
		Cộng				8.141.646.835	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.2. Kế toán giá vốn bán hàng

2.2.2.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán tại công ty

Giá vốn hàng hóa xuất bán

Kế toán tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn. Cứ sau mỗi lần nhập kho, kế toán lại phải tiến hành tính toán lại giá bình quân.

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

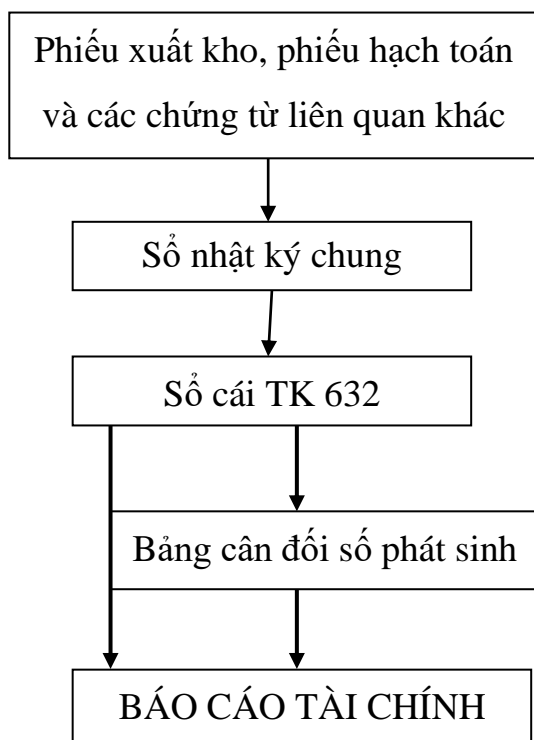
2.2.2.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ liên quan khác như: phiếu lĩnh xăng dầu, hóa đơn GTGT đầu vào,...

2.2.2.3. Tài khoản sử dụng

- TK 632: Giá vốn hàng bán
- Các TK liên quan khác như: TK 152, 154, 111,...

2.2.2.4. Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn tại công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Và Thương Mại Việt Vương

Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \longrightarrow

Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 20/12/2016 xuất kho bán 165 cây thép cuộn phi 10 cho Công ty TNHH Lan Lâm theo HĐ 0000767.

Kế toán tiến hành như sau:

Kế toán lập phiếu xuất kho số 20/12 (**biểu số 2.8**). Căn cứ vào Phiếu xuất kho ghi số liệu vào Nhật ký chung (**biểu 2.9**), Sổ cái TK 632 (**biểu 2.10**).

Tính đơn giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn:

Đơn giá xuất kho bình quân Thép cuộn phi 10 ngày 20/12 được tính như sau:

- Ngày 1/12 tồn 167 cây, đơn giá 54.000 đồng/cây
- Ngày 9/12 nhập 900 kg, đơn giá 55.345 đồng/cây.
- Ngày 17/12 nhập 200 kg, đơn giá 55.500 đồng/cây

$$\begin{aligned}
 &\text{Đơn giá xuất kho} &&= && \frac{167 \times 54.000 + 900 \times 55.345 + 200 \times 55.500}{167 + 900 + 200} \\
 &\text{bình quân ngày 20/12} &&= && 55.192 \text{ (đ/kg)} \\
 \\
 &\text{Trị giá thành phẩm thực tế} &&= && \text{Số lượng thực tế} && \times && \text{Đơn giá bình quân xuất} \\
 &\text{xuất kho ngày 20/12} &&= && \text{xuất kho} && && \text{kho} \\
 &&&= && 165 && \times && 55.192 \\
 &&&= && && && 9.106.680
 \end{aligned}$$

Biểu 2.8: Phiếu xuất kho số 20

Công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương				Mẫu số 02-VT			
Ngõ 492 Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, HP				(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC			
				Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)			
PHIẾU XUẤT KHO							
Ngày 20 tháng 12 năm 2016				Nợ: 632			
Số: PX 20/12				Có: 156			
Họ và tên người nhận hàng: Bùi Thúy Trà							
Địa chỉ (bộ phận): 110 Điện Biên Phủ - Hồng Bàng - Hải Phòng							
Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng							
Xuất tại kho : Hàng hóa				Địa điểm:			
Stt	Tên, nhãn hiệu	Mã hàng	Đvt	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép cuộn phi 10	F2716	Cây	165	165	55.192	9.106.680
	Cộng			165	165		9.106.680
Tổng số tiền viết bằng chữ: Chín triệu một trăm linh sáu nghìn sáu trăm tám mươi đồng./.							
Ngày 20 tháng 12 năm 2016							
Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc			
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>			

Biểu 2.9: Sổ nhật ký chung

Công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương
Ngõ 492 Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
		
20/12	PXK 20/12	20/12	Giá vốn xuất bán lô thép phi 10 cho cty TNHH Lan Lâm	632	9.106.680	
				156		9.106.680
20/12	HĐ 0000767 PT 30/12	20/12	Doanh thu bán hàng cho Cty TNHH Lan Lâm	1111	11.191.065	
				5111		10.149.150
				3331		1.014.915
22/12	PXK 27/12	22/12	Giá vốn xuất bán lô thép phi 12 cho cty TNHH Chiến Thắng	632	22.037.500	
				156		22.037.500
					
31/12	GBC 1598	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12	112	995.491	
				515		995.491
					
			Cộng		53.841.518.190	53.841.518.190

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.10: Sổ cái TK 632

Công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương
Ngõ 492 Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Năm 2016

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			
					
20/12	PXK 20/12	20/12	Giá vốn hàng xuất bán cho cty TNHH Lan Lâm	156	9.106.680	
					
22/12	PXK 27/12	22/12	Giá vốn xuất bán lô thép phi 12 cho cty TNHH Chiến Thắng	156	22.037.500	
31/12	PHT 10	31/12	K/c giá vốn hàng bán hàng	911		6.557.444.157
			Cộng SPS		6.557.444.157	6.557.444.157
			<u>Dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính

2.2.3.1. Doanh thu hoạt động tài chính gồm có khoản:

- Lãi tiền gửi ngân hàng

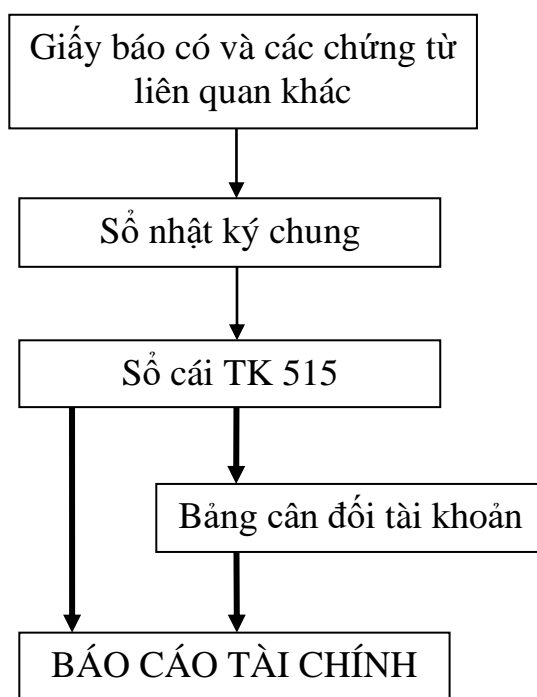
2.2.3.1.1. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có
- Các chứng từ liên quan khác.

2.2.3.1.2. Tài khoản sử dụng

- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

2.2.3.1.3. Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty CP TVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương.

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ: \longrightarrow

Ví dụ minh họa

Ví dụ: Ngày 31/12/2016 ngân hàng trả lãi tiền gửi tháng 12/2016 số tiền 995.491 đồng.

Kế toán tiền hành như sau:

Căn cứ vào giấy báo có số 1598 của Ngân hàng (**biểu số 2.11**), kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (**biểu số 2.12**), sau đó vào Sổ cái TK 515 (**biểu số 2.13**).

Biểu 2.11: Giấy báo có

Mã GD

Mã KH: 395544

Số GD: 1598

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số : 1598

Kính gửi: **Công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương.**

Mã số thuế: 0101491442

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CO tài khoản của khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có: 0031 000 207 536

Số tiền bằng số: 995.419

Viết bằng chữ: Chín trăm chín mươi năm nghìn bốn trăm mười chín đồng./.

Nội dung: Lãi tiền gửi.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

GIAO DỊCH VIÊN*(Ký, ghi rõ họ tên)***KIỂM SOÁT VIÊN***(Ký, ghi rõ họ tên)*

Biểu 2.12: Sổ nhật ký chung

Công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương
Ngõ 492 Thiên Lô, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
28/2	GBC 1493	28/2	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 2	112	50.169	
				515		50.169
31/3	GBC 1506	31/3	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 3	112	125.057	
				515		125.057
					
20/12	PXK 20/12	20/12	Giá vốn hàng xuất bán cho cty TNHH Lan Lâm	632	15.015.700	
				156		15.015.700
20/12	HĐ0000767 PT 30/12	20/12	Doanh thu bán hàng cho Cty TNHH Lan Lâm	1111	18.095.000	
				5111		16.450.000
				3331		1.645.000
					
31/12	GBC 1598	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12	112	995.491	
				515		995.491
					
			Cộng		53.841.518.190	53.841.518.190

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.13: Sổ cái TK 515

**Công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương
Ngõ 492 Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng**

**Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			
					
28/2	GBC 1493	28/2	Lãi tiền gửi tháng 2	112		50.169
					
31/12	GBC 1598	31/12	Lãi tiền gửi tháng 12	112		995.419
31/12	PHT 11	31/12	K/C doanh thu HĐTC	911	1.787.870	
			Cộng SPS		1.787.870	1.787.870
			<u>Dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.4.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh tại công ty

Tại công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Và Thương Mại Việt Vương chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:

- Chi phí về lương nhân viên quản lý kinh doanh
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí về nhiên liệu phục vụ công tác quản lý kinh doanh
- Các khoản chi phí khác.

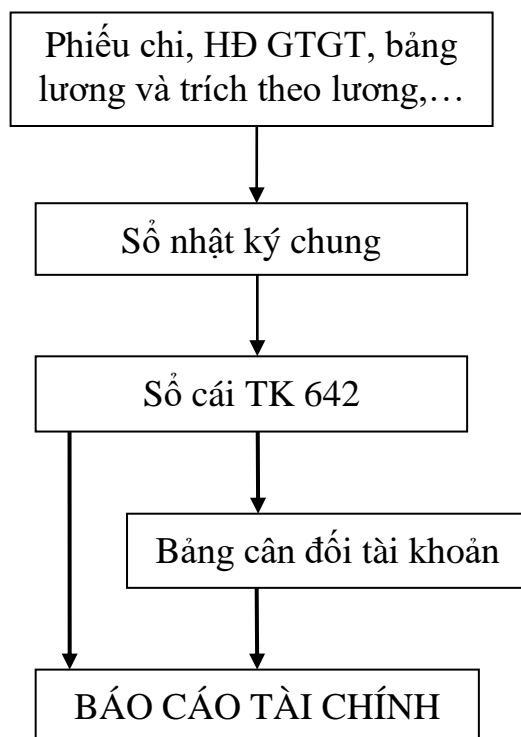
2.2.4.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Bảng lương nhân viên văn phòng
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thu phí dịch vụ
- Bảng trích khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.4.3. Tài khoản sử dụng

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh
- Các TK liên quan khác như: TK 111, 334, 214,...

2.2.4.4. Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí kinh doanh tại công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ: —————>

2.2.4.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 31/12 Thanh toán bằng tiền mặt tiền cước điện thoại theo HĐ 0219046 số tiền 990.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%).

Kế toán tiến hành như sau:

Căn cứ hóa đơn GTGT 0219046 (**biểu số 2.14**) kế toán lập phiếu chi số 50 (**biểu số 2.15**) Sau đó, kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (**biểu số 2.16**), Sổ cái TK 642 (**biểu số 2.17**).

Biểu 2.14: Hóa đơn GTGT số 0219046

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)				Mẫu số: 01GTKT -2LN-03	
Liên 2: Giao khách hàng				Ký hiệu: AA/16P	
Từ ngày 01/12/2016 đến ngày 31/12/2016				Số: 0219046	
MS: 0101491442					
Viễn thông (Telecommunication): Hải Phòng				Điện thoại: Fax:	
Đơn vị mua hàng: Công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Và Thương Mại Việt Vương					
Địa chỉ: Ngõ 492 Thiên Lô, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng					
Mã khách hàng: KHCP-DLHP-00355				Số thuê bao: 0313 779 325	
Hình thức thanh toán: Tiền mặt					
STT	Dịch vụ sử dụng	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4X5
	Kỳ cước tháng: 12/2016				
	a.Cước dịch vụ viễn thông				900.000
	b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	c. Khuyến mại				0
	d.Trừ đặt cọc + trích thưởng + Nợ cũ				0
Cộng tiền dịch vụ					900.000
Tiền thuế GTGT: 10%					90.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					990.000
Số tiền viết bằng chữ: Chín trăm chín mươi chín nghìn đồng./.					
Người nộp tiền (Ký, ghi rõ họ tên)				Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
				Đại diện giao dịch (Ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu 2.15: Phiếu chi

Công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương		Mẫu số 02-TT		
Ngõ 492 Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng		QĐ số 48/2006/QĐ-BTC		
		Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC		
PHIẾU CHI		Số: 66/12		
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
		Nợ TK 642	:	900.000
		Nợ TK 1331	:	90.000
		Có TK 1111	:	990.000
Họ và tên người nộp tiền: Phạm Thị Huệ				
Địa chỉ: Văn phòng công ty				
Lý do chi: Thanh toán tiền cước điện thoại theo HĐ 0219046				
Số tiền: 990.000				
Viết bằng chữ: Chín trăm chín mươi chín nghìn đồng./.				
Kèm theo: 1 chứng từ gốc.				
				Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>

Biểu 2.16: Sổ nhật ký chung

Công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương

Ngõ 492 Thiên Lô, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN

(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
31/12	HD 0544949 PC 45/12	31/12	Thanh toán tiền điện bằng tiền mặt.	642 1331 1111	548.000 54.800	602.800
31/12	HD 0219046 PC 66/12	31/12	Thanh toán tiền cước điện thoại	642 1331 1111	900.000 90.000	990.000
31/12	Bảng lương T12/2016	31/12	Lương phải trả nhân viên văn phòng T12/2016	642 334	54.797.270	54.797.270
31/12	Bảng TSCĐ và trích KH T12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận QLKD T12/2016	642 214	11.185.000	11.185.000
.....
31/12	PHT 10	31/12	K/c chi phí quản lý kinh doanh	911 642	879.818.815	879.818.815
					
			Cộng		53.841.518.190	53.841.518.190

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.17: Sổ cái TK 642

**Công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương
Ngõ 492 Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng**

**Mẫu số S03b - DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			
					
31/12	HĐ 0544949 PC 45/12	31/12	Thanh toán tiền điện	1111	548.000	
31/12	HĐ 0219046 PC 66/12	31/12	Thanh toán tiền cước điện thoại	1111	900.000	
31/12	BL T12	31/12	Lương phải trả nhân viên văn phòng T12/2016	334	54.797.270	
...			
31/12	Bảng TSCĐ và trích KH T12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận QLKD T12/2016	214	11.185.000	
31/12	PHT 10	31/12	K/c chi phí quản lý kinh doanh	911		879.818.815
			Cộng SPS		879.818.815	879.818.815
			<u>Dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

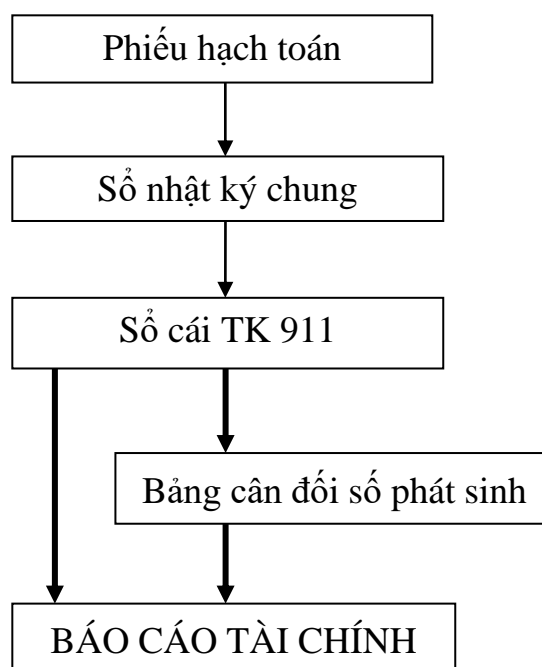
2.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu hạch toán
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái các TK 911, 821, 421,...

2.2.5.2. Tài khoản sử dụng

- TK 911: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Các TK liên quan khác như: TK 821, 632, 511, 642,...

2.2.5.3. Quy trình hạch toán

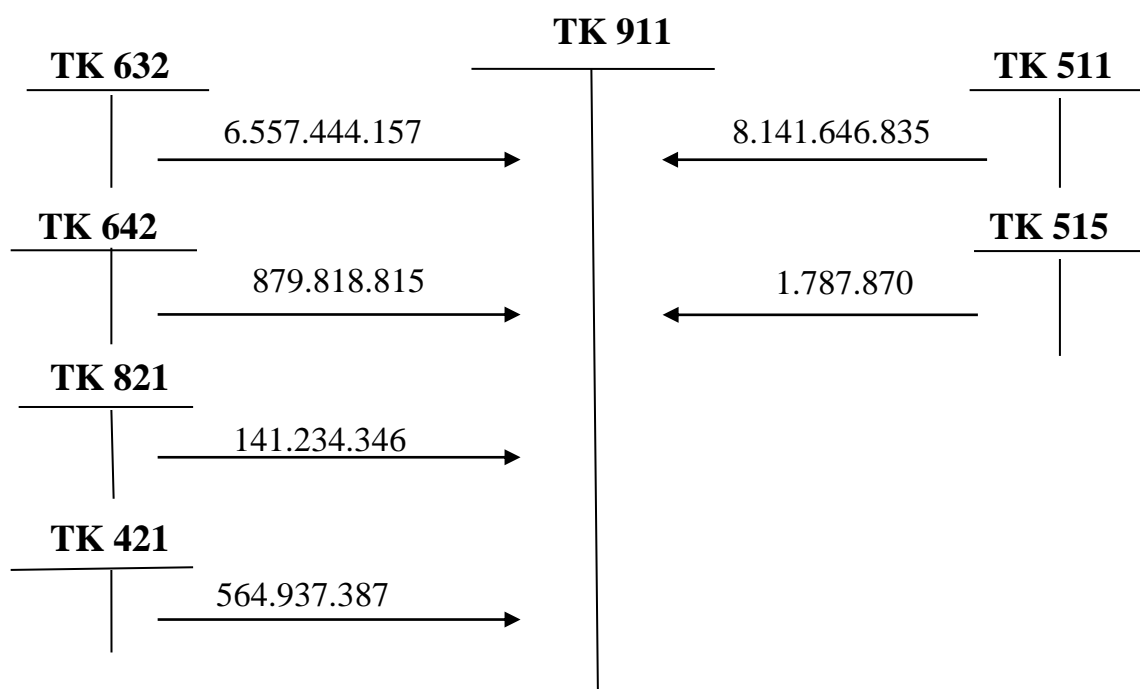


Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương.

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ: →



Sơ đồ 2.8: Sơ đồ quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương.

Cuối tháng căn cứ vào các bút toán thực hiện kết chuyển, các phiếu kế toán để ghi sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 911. Khi đó:

$$\begin{aligned}
 \text{Lợi nhuận trước thuế} &= 8.141.646.835 + 1.787.870 - 6.557.444.157 + 879.818.815 \\
 &= 706.171.733 \\
 \text{Thuế TNDN} &= 706.171.733 \times 20\% \\
 &= 141.234.346 \\
 \text{Lợi nhuận sau thuế} &= 706.171.733 - 141.234.346 \\
 &= 564.937.387
 \end{aligned}$$

Suy ra: Kết quả kinh doanh năm 2016 của doanh nghiệp là Lãi

Biểu 2.18: Phiếu hạch toán

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số: 10

Đối tượng: Kết chuyển chi phí

Đvt: đồng

Stt	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	879.818.815	
2	Kết chuyển giá vốn	911	632	6.557.444.157	
	Cộng			7.437.262.972	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.19: Phiếu hạch toán

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số: 11

Đối tượng: Kết chuyển doanh thu

Đvt: đồng

Stt	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	8.141.646.835	
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.787.870	
	Cộng			8.143.434.705	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.20: Phiếu hạch toán

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số: 12

Đối tượng: Xác định thuế TNDN phải nộp

Đvt: đồng

Stt	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Thuế TNDN phải nộp	821	3334	141.234.346	
	Cộng			141.234.346	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.21: Phiếu hạch toán

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số: 13

Đối tượng: Kết chuyển chi phí thuế TNDN

Đvt: đồng

Stt	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	141.234.346	
	Cộng			141.234.346	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.22: Phiếu hạch toán

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số:14

Đối tượng: Kết chuyển lãi

Đvt: đồng

Stt	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Kết chuyển lãi	911	421	564.937.387	
	Cộng			564.937.387	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.23: Sổ nhật ký chung

Công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương

Ngõ 492 Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN

(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
31/12	PHT 10	31/12	Kết chuyển chi phí	911	7.437.262.972	
				642		879.818.815
				632		6.557.444.157
31/12	PHT11	31/12	Kết chuyển doanh thu	511	8.141.646.835	
				515	1.787.870	
				911		8.143.434.705
31/12	PHT 12	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	821	141.234.346	
				3334		141.234.346
31/12	PHT 13	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	141.234.346	
				821		141.234.346
31/12	PHT 14	31/12	Kết chuyển lãi	911	564.937.387	
				421		564.937.387
			Cộng		53.841.518.190	53.841.518.190

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.24: Sổ cái TK 911

**Công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương
Ngõ 492 Thiên Lô, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng**

**Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			
31/12	PHT 10	31/12	Kết chuyển chi phí	642	879.818.815	
				632	6.557.444.157	
31/12	PHT 11	31/12	Kết chuyển doanh thu	511		8.141.646.835
				515		1.787.870
31/12	PHT 13	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	821	141.234.346	
31/12	PHT 14	31/12	K/c lãi	421	564.937.387	
			Cộng phát sinh		8.143.434.705	8.143.434.705
			<u>Dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.25: Sổ cái TK 421

Công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương
Ngõ 492 Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			277.620.360
31/12	PHT 14	31/12	K/c lãi	911		564.937.387
			Cộng phát sinh			842.557.747
			<u>Dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT VƯƠNG****3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ
PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT VƯƠNG.**

Trong nền kinh tế thị trường ngày nay, các doanh nghiệp chịu tác động không nhỏ đến từ những biến động của nền kinh tế. Vì vậy, một doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển được đòi hỏi nhà quản trị doanh nghiệp phải có những chiến lược kinh doanh đúng đắn. Để phục vụ cho công tác quản lý, các nhà quản trị đưa ra được những quyết định chính xác góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để làm được điều đó việc tổ chức bộ máy kế toán góp một phần không nhỏ. Trong thời gian thực tập tại Công ty CP tư vấn Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương em nhận thấy công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng tại công ty có những ưu điểm và nhược điểm sau:

3.1.1. Ưu điểm**a) Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty****Về tổ chức bộ máy kế toán tại công ty**

- Đội ngũ kế toán viên trẻ, năng động, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, làm việc nghiêm túc, có tính thần trách nhiệm cao và luôn phối hợp với nhau để công việc đạt hiệu quả tốt.
- Phòng kế toán có mối quan hệ chặt chẽ với các bộ phận và phòng ban khác trong công ty nhằm đảm bảo các dữ liệu ban đầu được cập nhật kịp thời, chính xác và đảm bảo sự luân chuyển chứng từ theo đúng chế độ.
- Về nhân sự, bộ phận kế toán có ba người gồm một kế toán trưởng và hai kế toán viên rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty.

Về hình thức kế toán

- Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung với ưu điểm dễ hiểu, dễ ghi chép, dễ áp dụng và dễ phát hiện sai sót, phù hợp với tình hình hoạt động của công ty.
- Đây là hình thức kế toán đơn giản, mẫu sổ dễ hiểu, dễ ghi chép thuận tiện cho việc phân công công tác kế toán. Việc ghi chép dựa trên cơ sở các chứng từ hợp pháp và đã được sắp xếp khoa học nên số liệu trên sổ kế toán trùng khớp với số liệu trên chứng từ.
- Với sự hỗ trợ của kế toán máy Excel, việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế

phát sinh được nhanh chóng hơn, tiết kiệm thời gian và công sức.

Về sổ sách kế toán sử dụng

Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác, theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước. Không cứng nhắc theo các mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán công ty còn sáng tạo, tìm tòi lập ra nhưng sổ kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế, yêu cầu quản lý của công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh đúng, chính xác, minh bạch nội dung nghiệp vụ kinh tế, tăng hiệu quả giám sát, quản lý và đối chiếu.

Về chứng từ kế toán sử dụng

- Công ty đã áp dụng đúng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Chứng từ kế toán liên quan đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh như: hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, bảng khấu hao, phân bổ,... của công ty được lập rõ ràng, chính xác theo nội dung quy định trên mẫu.

- *Về công tác kế toán doanh thu:* mọi nghiệp vụ bán hàng đều được kế toán ghi nhận vào doanh thu một cách kịp thời và đầy đủ, chính xác về nội dung. Khi bán hàng kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT thành 3 liên: liên 1 lưu tại quyển, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 lưu nội bộ làm căn cứ để ghi sổ kế toán.

- *Về công tác kế giá vốn:* công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hạch toán giá vốn.

- *Về công tác xác định kết quả hoạt động kinh doanh:* do kế toán đã quản lý, theo dõi tốt các khoản doanh thu, chi phí đề cập ở trên vì thế công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được thực hiện một cách dễ dàng, cung cấp cho giám đốc những thông tin kế toán chính xác, kịp thời, qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty

Bên cạnh những ưu điểm đề cập ở trên công ty CPTVĐT Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương còn tồn tại những mặt hạn chế sau đây:

Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Công tác kế toán được thực hiện trên Excel đã phần nào giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán nhưng do không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nên nhà quản trị và nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn. Cụ thể:

- Với nhân viên kế toán thì mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải hạch toán vào các chứng từ, sổ sách liên quan nên phải cập nhật thông tin nhiều lần cho mỗi

nghịệp vụ, tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt làm báo cáo tài chính rất vất vả.

- Với nhà quản trị sẽ phải phân chia bộ phận kế toán sao cho mỗi kế toán phụ trách một phần hành kế toán. Mặt khác khi muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ phải đợi kế toán cập nhật và tính toán đầy đủ các thông tin tổng hợp vì vậy nhà quản trị không thể kiểm soát và tra cứu thông tin nhanh chóng, tức thời.

Về việc áp dụng chính sách ưu đãi đối với khách hàng

- Hiện nay công ty không có nhiều chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu như: chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán,...

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền người bán giảm cho người mua vì đã thanh toán trước thời hạn hợp đồng.

Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp kích thích được nhu cầu khách, thu hút được nhiều khách hàng nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

3.2. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CPTVĐT XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT VƯƠNG.

3.2.1. Kiến nghị 1: Ứng dụng phần mềm kế toán

Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán:

- Ít tốn thời gian: Phần mềm kế toán được thiết kế giúp các doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm thao tác. Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán.

- Chính xác: Các chương trình kế toán có độ chính xác rất cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót duy nhất của doanh nghiệp gặp phải có thể là do nhập sai dữ liệu và thông tin sai lệch ngay từ đầu.

- Dễ sử dụng: Phần hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi

phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng dễ dàng.

Đối với bộ phận kế toán tài chính:

- Thực hiện các chức năng kế toán quản trị phục vụ yêu cầu của nhà quản lý.
- Hỗ trợ tối đa công tác hạch toán, làm sổ sách theo quy định.
- Có được giải pháp, quy trình chuẩn và kế toán tài chính tuân thủ hoàn toàn theo quy định của bộ tài chính và pháp luật Việt Nam.
- Có thể trả lời nhanh các câu hỏi của nhà quản lý liên quan đến con số như: doanh thu, chi phí, lãi - lỗ, tiền tại quỹ, ngân hàng, công nợ, kho hàng hóa...
- Luôn chủ động trong công việc hàng ngày, hàng tháng.

Đối với nhà quản lý:

- Tiết kiệm được thời gian quản lý tài chính cho nhà quản lý.
- Nắm được các thông tin tức thời từ các hoạt động của công ty khi truy cập trực tiếp trên chương trình phần mềm.
- Có các thông tin thể hiện dưới dạng bảng biểu, con số thống kê, đồ họa minh họa.
- Nhà quản lý có khả năng truy xuất trực tiếp trên phần mềm để xem các báo cáo, thông tin, hoàn toàn chủ động với số liệu kế toán tài chính.

Đối với các bộ phận khác:

Quan hệ giữa các phòng trở nên thuận tiện hơn, phối hợp thông tin giữa các phòng ban tránh các công việc trùng lặp.

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như:

Phần mềm kế toán MISA



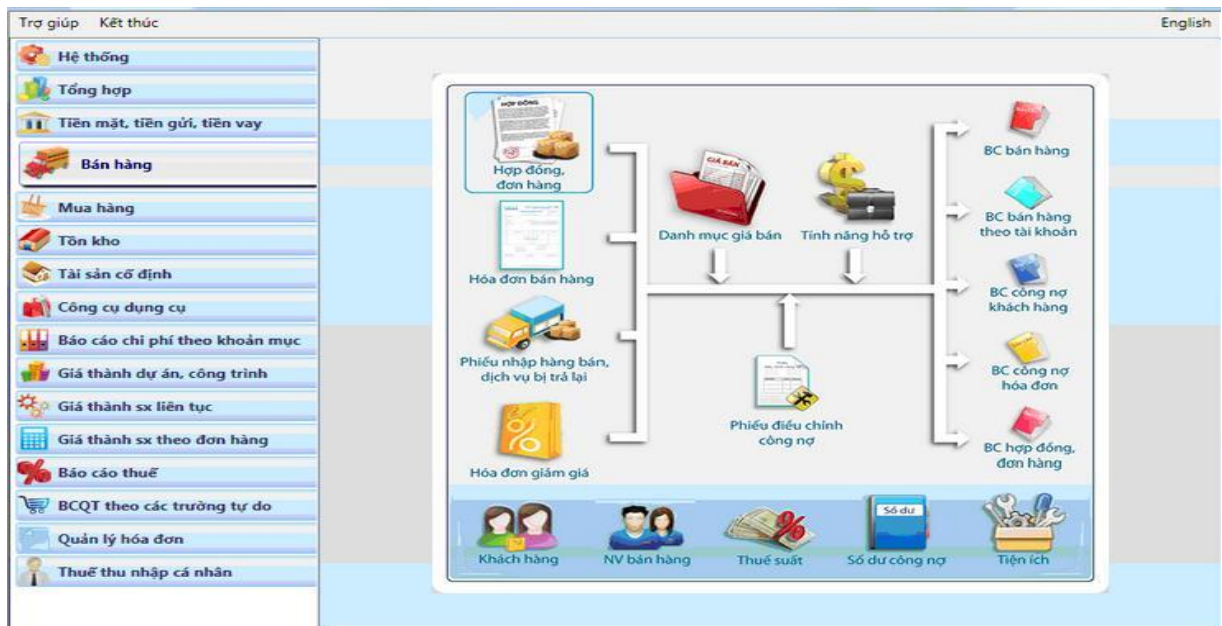
Hình 3.1: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán MISA

- Với hơn 21 năm kinh nghiệm trong việc sản xuất, cung cấp các phần mềm, MISA đã đạt nhiều thành tích, giải thưởng minh chứng cho chất lượng sản phẩm MISA. MISA đã đạt được chứng chỉ CMMi, ISO 9001 về Quản lý chất lượng và ISO 27000 về Hệ thống quản lý an ninh thông tin, bảo chứng cho việc sản phẩm và dịch vụ do MISA cung cấp có chất lượng tốt và an toàn bảo mật cao.
- Với hơn 130.000 khách hàng Doanh nghiệp, HCSN và đơn vị xã/phường cùng hơn 1 triệu khách hàng cá nhân, MISA đã và đang trở thành người bạn đồng hành không thể thiếu của cộng đồng doanh nghiệp cũng như khối cơ quan nhà nước, cá nhân. 05 VP đại diện của MI SA thực hiện chức năng xúc tiến, triển khai các sản phẩm của MISA, tổ chức các khóa tập huấn hướng dẫn sử dụng phần mềm cho khách hàng. Việc đưa phần mềm MISA phổ biến tại 63 tỉnh thành là kỳ tích của các cán bộ, nhân viên tại các văn phòng này.
- MISA SME.NET là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp.
MISA SME.NET phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.
- **Đơn vị cung cấp:** Công ty cổ phần MISA

Website: <http://www.misa.com.vn/>

Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING

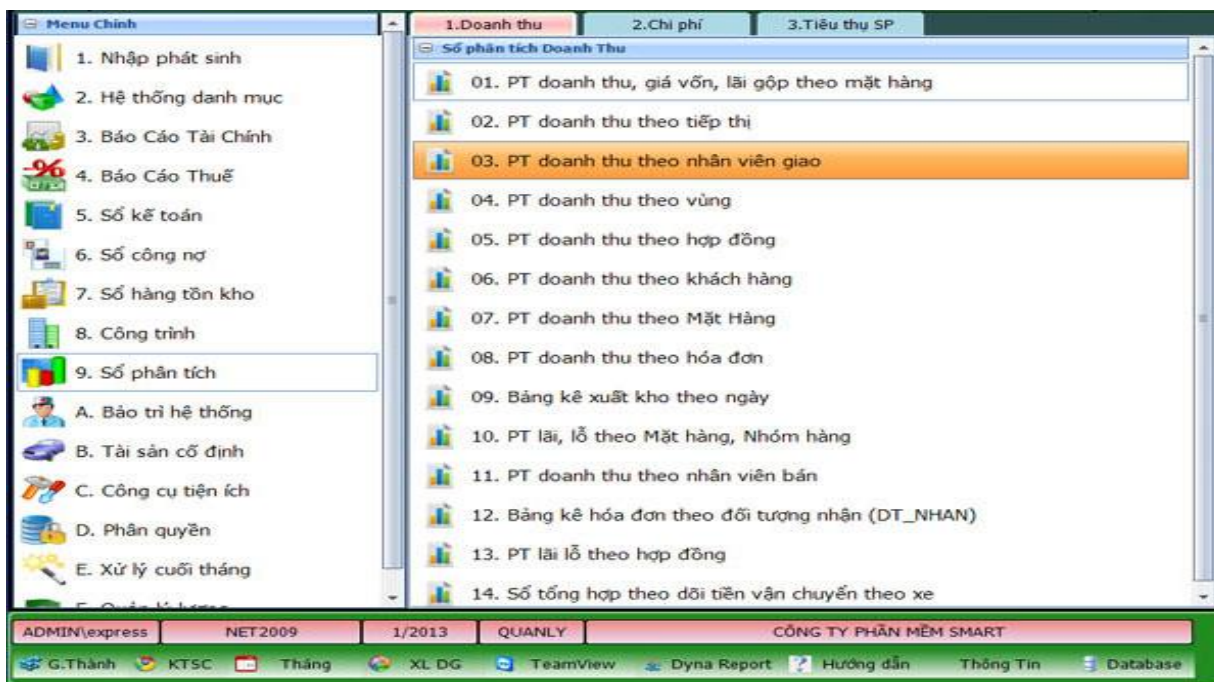
Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.



Hình 3.2: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING

- Fast Accounting Online là phần mềm kế toán trên nền điện toán đám mây (cloud computing), dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.
- Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 10.000 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như Sao Khuê, sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT,...
- **Đơn vị cung cấp:** Công ty cổ phần Phần mềm Quản lý Doanh nghiệp FAST.
- **Website:** <http://fast.com.vn>
Hiện nay Fast có nhiều sản phẩm phù hợp với các loại hình doanh nghiệp.

Phần mềm kế toán SMART



Hình 3.3: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán SMART

Phần mềm kế toán Smart phù hợp với các doanh nghiệp Xây dựng, Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ, XNK,...

3.2.2. Kiến nghị 2: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều công ty bán sắt , thép cũng như có rất nhiều loại sắt , thép khác nhau mà giá cả lại chênh nhau không nhiều.

Tên sản phẩm	ĐVT	VIỆT NHẬT	POMINA	MIỀN NAM	HÒA PHÁT
Thép phi 6	kg	11370	10630	10650	10100
Thép phi 8	kg	11370	10630	10550	10150
Thép phi 10	cây	75600	66300	64200	61510
Thép phi 12	cây	107200	101500	99500	97600

Điều này cho thấy tính cạnh tranh trên thị trường là rất cao, buộc công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Và Thương Mại Việt Vương phải có những chính sách bán hàng đúng đắn, thích hợp nhằm thu hút khách hàng cũng như nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường. Trong thời gian thực tập tại công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Và Thương Mại Việt Vương em nhận thấy rằng công ty chưa có những chính sách bán hàng như chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán , công ty nên áp dụng.

3.2.2.1. Chiết khấu thương mại

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành.

- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại

- Trường hợp người mua hàng số lượng nhiều mới được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng lần cuối. Khoản chiết khấu này không được hạch toán vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua chiết khấu thương mại ghi ngoài hóa đơn. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 5211.

Phương pháp hạch toán

Tài khoản sử dụng: **TK 5211** - Chiết khấu thương mại

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ kế toán ghi:

Nợ TK 5211 – Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111, 112, 131

Cuối tháng kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang TK 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 5211 – Chiết khấu thương mại

Nếu khách hàng mua hàng với số lượng lớn từ 20 tấn thép trở lên thì công ty sẽ cho khách hàng hưởng khoản chiết khấu thương mại 2% .

Ví dụ: Ngày 12/12/2016, Công ty CP Xây Dựng Thanh Nga ký HĐ số 65/2016 mua 21561kg thép cuộn phi 8 theo HĐ 0000756 . Đơn giá 10.150đ/kg.(chưa bao gồm thuế VAT 10%).

Vì mua với số lượng lớn nên công ty CP Thanh Nga sẽ được hưởng 1 khoản chiết khấu thương mại 2% trên HĐ 0000756.

Doanh thu bán hàng chưa trừ đi chiết khấu là: 218.387.400

Thuế giá trị gia tăng là : 21.838.740

Chiết khấu thương mại được hưởng là: 4.367.748 (=218.387.400*2%)

Thuế giá trị gia tăng được trừ là : 436.775

Doanh thu bán hàng sau khi trừ chiết khấu thương mại là: 214.019.652

Kế toán định khoản như sau:

Theo hóa đơn 0000756 :

Ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 112 : 235.421.617

Có TK 5111: 214.019.652

Có TK 3331: 21.401.965

Biểu 3.1: Hóa đơn GTGT số 0000756

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/16P		
Ngày 12/12/2016			Số: 0000756		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CPTVĐT XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT VƯƠNG					
Mã số thuế: 0101491442					
Địa chỉ: Ngõ 492 Thiên Lô- Vĩnh Niệm- HP					
Số TK: 0031 000 207 536					
Đơn vị mua hàng: CÔNG TY CP XÂY DỰNG THANH NGÀ					
Mã số thuế: 0800754380					
Địa chỉ: 83 Bạch Đằng - Hạ Lí - Hồng Bàng - Hải Phòng					
Số TK: 0100 050 877 390					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xuất bán thép cuộn phi 8	Kg	21516	9.947	214.019.652
Cộng tiền hàng					214.019.652
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	
					21.401.965
Tổng cộng tiền thanh toán:					235.421.617
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm ba mươi năm triệu bốn trăm hai mươi một nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng./.					
Người bán hàng		Người mua hàng		Giám đốc	
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	

Biểu 3.2: Sổ nhật ký chung

**Công ty CP Tư Vấn Đầu tư xây Dựng và Thương Mại Việt Vương
Ngõ 492 Thiên Lô- Vĩnh Niệm- HP**

**Mẫu số S03a-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
12/12	HĐ 0000756	12/12	Doanh thu bán hàng cho Cty CP Xây Dựng Thanh Nga	112	235.421.617	
				5111		214.019.652
				3331		21.401.965
					
31/12	HĐ 0219046 PC 66/12	31/12	Thanh toán tiền cước điện thoại	642	900.000	
				1331	90.000	
				1111		990.000
31/12	PHT 15	31/12	Kết chuyển chiết khấu thương mại	5111	4.367.748	
				521		4.367.748
					
			Cộng		53.841.518.190	53.841.518.190

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

3.2.2.2. Chiết khấu thanh toán

Công ty nên áp dụng khoản chiết khấu thanh toán để giúp kích thích việc khách hàng mua hàng và thanh toán trước thời hạn trong hợp đồng.

Chính sách chiết khấu thanh toán tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng ngành.

- Chính sách chiết khấu thanh toán được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

- Căn cứ vào lãi suất ngân hàng.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thanh toán:

- Không được ghi khoản chiết khấu thanh toán này trên hóa đơn để giảm giá
- Bên bán sẽ lập phiếu chi cho khoản chiết khấu thanh toán
- Khoản chiết khấu thanh toán sẽ được hạch toán vào tài khoản 635

Phương pháp hạch toán:

Nợ TK 635 : Chi phí tài chính

Có TK 131 : Nếu bù trừ luôn vào khoản phải thu

Có TK 111, 112 : Trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

Ví dụ: Ngày 3/12 công ty xuất bán lô thép cuộn phi 10 cho công ty TNHH Nam Trung theo HĐ số 68/2016- HĐ 0000764, tổng giá trị lô hàng là 118.406.750 (bao gồm cả thuế VAT 10%). Công ty TNHH Nam Trung đã thanh toán bằng chuyển khoản Theo như HĐ số 68/2016 thì phải đến ngày 27/12 mới thanh toán tiền nhưng ngày 15/12 công ty TNHH Nam Trung đã chuyển khoản trước hạn.

Căn cứ vào lãi suất ngân hàng hiện tại là 8,5%/năm => lãi suất 1 ngày là: 0,023%.

Vì khách hàng thanh toán trước hạn hợp đồng 12 ngày = $0.023\% \times 118.406.750 \times 12$
= 326.803 đồng.

Ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 112 : 118.406.750

Có TK 5111 : 107.642.500

Có TK 1331 : 10.764.250

Khoản chiết khấu thanh toán phát sinh:

Nợ TK 635 : 326.803

Có TK 1111 : 326.803

Biểu 3.3: Hóa đơn GTGT 00000764

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/16P		
Ngày 3/12/2016			Số: 0000764		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CPTVĐT XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT VƯƠNG Mã số thuế: 0101491442 Địa chỉ: Ngõ 492 Thiên Lô- Vĩnh Niệm- HP Số TK: 0031 000 207 536					
Đơn vị mua hàng: CÔNG TY TNHH NAM TRUNG Mã số thuế: 0102345786 Địa chỉ: 45 Khúc Thừa Dụ - Lê Chân – Hải Phòng Số TK: 0100 050 345 789 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xuất bán thép cuộn phi 10	cây	1750	61.510	107.642.500
Cộng tiền hàng:					107.642.500
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		10.764.250
Tổng cộng tiền thanh toán:					118.406.750
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm mười tám triệu bốn trăm linh sáu nghìn bảy trăm năm mươi đồng./.</i>					
Người bán hàng		Người mua hàng		Giám đốc	
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	

Biểu 3.4: Phiếu chi số 52

Đơn vị: Công ty CP Tư Vấn Đầu tư xây Dựng và Thương Mại Việt Vương		Mẫu số 02-TT		
Địa chỉ: Ngõ 492 Thiên Lô- Vĩnh Niệm- HP		QĐ số 48/2006/QĐ-BTC		
		Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC		
PHIẾU CHI		Số: 52/12		
Ngày 15 tháng 12 năm 2016				
		Nợ TK 635	:	326.803
		Có TK 1111	:	326.803
Họ và tên người nộp tiền: Trần Xuân Tùng				
Địa chỉ: Phòng kế toán				
Lý do chi: Chiết khấu cho công ty TNHH Nam Trung				
Số tiền: 326.803 đồng				
Viết bằng chữ: Ba trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm linh ba đồng./.				
Kèm theo: 1 chứng từ gốc.				
Ngày 15 tháng 12 năm 2016				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nộp tiền
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>

Biểu 3.5: Sổ nhật ký chung

**Công ty CP Tư Vấn Đầu tư xây Dựng và Thương Mại Việt Vương
Ngõ 492 Thiên Lô- Vĩnh Niệm- HP**

**Mẫu số S03a-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
15/12	HĐ 0000764	15/12	Doanh thu bán hàng cho Công ty TNHH Nam Trung	112	118.406.750	
				5111		107.642.500
				3331		10.764.250
15/12	PC 52/12	15/12	Chiết khấu cho công ty TNHH Nam Trung	635	326.803	
				1111		326.803
					
31/12	HĐ 0219046 PC 66/12	31/12	Thanh toán tiền cước điện thoại	642	900.000	
				1331	90.000	
				111		990.000
					
			Cộng		53.841.518.190	53.841.518.190

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 3.6: Sổ cái TK 635

**Công ty CP Tư Vấn Đầu tư Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương
Ngõ 492 Thiên Lô- Vĩnh Niệm- HP**

**Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI

Tên tài khoản: **Chí phí hoạt động tài chính**
Số hiệu: 635
Năm 2016

ĐVT: **Đồng**

NT ghi sổ	Ctư		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			
15/12	PC 52/12	15/12	Chiết khấu cho công ty TNHH Nam Trung	1111	326.803	
31/12	PHT 16	31/12	Kết chuyển chiết khấu thanh toán	911		326.803
			Cộng SPS		326.803	326.803
			<u>Dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾT LUẬN

Qua thời gian thực tập tại Công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương, cùng những kiến thức đã được học ở trường đã giúp em nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Bên cạnh đó, em cũng nhận ra những điểm khác biệt giữa lý thuyết và thực tế trong chuyên ngành kế toán.

Bài luận đã đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương như:

- Kiến nghị về việc áp dụng phần mềm kế toán.
- Kiến nghị về việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán.

Dưới góc độ là một sinh viên thực tập chưa có nhiều kinh nghiệm, trình độ nhận thức còn hạn chế nên trong bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô giáo hướng dẫn – ThS. Trần Thị Thanh Thảo, cảm ơn các anh chị trong phòng kế toán của Công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Việt Vương, cùng toàn thể các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!